



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 70

Ngày 10 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

26/11/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 2522/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch Điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025	3
26/11/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 2524/QĐ-UBND về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.	51
27/11/2024	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 2531/QĐ-UBND phê duyệt đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ "Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận cho 2 sản phẩm "Thịt trâu Sơn La" và "Thịt bò Sơn La" của tỉnh Sơn La" thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 và đến năm 2030	59
28/11/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 2535/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Sơn La	63
28/11/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 2542/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025	70

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2522/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch Điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ; Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan, nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ

thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 783/TTr-STNMT ngày 07 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025.

(có Kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường (*đơn vị thu thập, cập nhật, lưu trữ thông tin, tài liệu của ngành*) thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đảm bảo theo đúng pháp luật.

b) UBND tỉnh uỷ quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng với Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu các sản phẩm số hóa (*Scan bằng phương pháp quét, chụp tài liệu*) thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật (*Lưu ý: trong quá trình điều tra, thu thập cần kế thừa các tài liệu, số liệu đã được số hóa trên hệ thống giải quyết thủ tục hành chính công và phần mềm VNPT IOFFICE của tỉnh Sơn La để lưu trữ theo quy định*).

d) Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình ban hành Kế hoạch tại Quyết định này; Chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, xử lý theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch này, báo cáo kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Sơn La; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
và thu thập, cập nhật thông tin mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi
trường trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bảo đảm phục vụ kịp thời công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, khoa học kỹ thuật của tỉnh; bảo đảm tài liệu được thu thập chính xác, đầy đủ có hệ thống, liên tục thông tin, dữ liệu tài liệu, sản phẩm các dự án có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, từng bước đưa công tác thu thập, lưu trữ và phục vụ khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh đi vào nền nếp, cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời.

Chuẩn bị dữ liệu đầu vào cho cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La, phục vụ công tác quản lý Nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh;

Số hóa (*Scan bằng phương pháp quét, chụp*) văn bản, tài liệu tài nguyên và môi trường, hình thành kho dữ liệu điện tử của ngành, ứng dụng các phần mềm để khai thác dữ liệu; từng bước cung cấp dữ liệu mở phục vụ các nhu cầu tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường góp phần thực hiện kế hoạch chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường.

2. Yêu cầu

Thực hiện thu thập thông tin, dữ liệu thực hiện tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8/ năm 019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La; Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ

đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Nội dung dữ liệu thu thập, cập nhật phải chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

Ứng dụng công nghệ thông tin để đảm bảo việc thu thập, xử lý, cập nhật dữ liệu một cách đầy đủ, nhanh chóng, chính xác, đồng thời bảo đảm việc xây dựng, lưu trữ an toàn cơ sở dữ liệu.

Có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, đảm bảo thực hiện hiệu quả, hoàn thành dứt điểm từng nội dung Kế hoạch.

Công bố, cung cấp, khai thác, sử dụng thuận tiện, kịp thời cho mọi đối tượng theo quy định của pháp luật.

II. KHỐI LƯỢNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG CẦN THU THẬP

1. Cấp tỉnh

a) Các Sở, ban, ngành có liên quan

Thông kê thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã hoàn thành hiện có theo Điều 3 Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh và danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo phụ lục số 01 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; giao nộp hoặc cung cấp danh mục, dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, xây dựng kế hoạch.

b) Các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

Thông kê danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã hoàn thành phải giao nộp gửi Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, xây dựng kế hoạch.

c) Khối lượng thông tin, dữ liệu dự kiến cần thu thập năm 2025

STT	Tên thông tin, dữ liệu	Dạng dữ liệu	Số lượng	Đơn vị tính (bộ, quyển, mảnh)	Số lượng dự kiến (tờ)	Ghi chú
1	Thông tin, dữ liệu lĩnh vực Môi trường	Giấy	15	Hồ sơ	3.285	Phụ lục số 01
2	Thông tin, dữ liệu lĩnh vực đất đai		63	Hồ sơ	14.516	

STT	Tên thông tin, dữ liệu	Dạng dữ liệu	Số lượng	Đơn vị tính (bộ, quyển, mảnh)	Số lượng dự kiến (tờ)	Ghi chú
2.1	Thông tin, dữ liệu lĩnh vực đất đai	Giấy	41	Hồ sơ	11.276	Phụ lục số 02
2.2	Thông tin, dữ liệu giá đất	Giấy	22	Hồ sơ	3.240	Phụ lục số 03
3	Thông tin, dữ liệu về Thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường	Giấy	21	Hồ sơ	6.350	Phục lục số 04
4	Thông tin, dữ liệu tài nguyên nước	Giấy	27	Hồ sơ	34.115	Phụ lục số 05
5	Thông tin, dữ liệu khoáng sản	Giấy	84	Hồ sơ	33.450	Phụ lục số 06
6	Thông tin, dữ liệu đặc tả	Số		Tờ	539	Phụ lục số 07
7	Thông tin, dữ liệu Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	Số		Bản tin	Theo số lượng thực tế	
8	Văn bản quy phạm pháp luật về Tài nguyên và Môi trường	Số		Hồ sơ	Theo số lượng thực tế	
9	Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường	Giấy, Số		Hồ sơ	Theo số lượng thực tế	

(có Danh mục chi tiết từng lĩnh vực kèm theo)

2. Cấp huyện

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường năm 2025, trình UBND cấp huyện phê duyệt, gửi Kế hoạch về Sở Tài nguyên và Môi trường; thực hiện thu thập, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, từng bước xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường và đưa vào lưu trữ theo quy định. Bố trí kho

lưu trữ dữ liệu bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, trang bị đủ phương tiện, thiết bị để lưu trữ, bảo quản đúng quy định, bảo đảm an toàn dữ liệu.

b) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch bố trí kinh phí, thẩm định và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

c) Cung cấp thông tin dữ liệu; danh mục, dữ liệu đặc tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn thực hiện việc thống kê, thu thập, xử lý, chuẩn hóa và giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn theo quy định.

đ) Báo cáo về tình hình thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày **30/11/2025**.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc giao nộp thông tin, dữ liệu.

b) Giao nộp cho Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thu thập, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước. Cung cấp thông tin, dữ liệu; danh mục, dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Công tác chuẩn bị

a) Đơn vị giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (*các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân thu thập, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước*); Đơn vị thuộc đối tượng phải cung cấp thông tin, dữ liệu; danh mục, dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Lập và cung cấp danh mục thông tin, tài liệu phải giao nộp vào lưu trữ; lập kế hoạch thu thập, giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện kế hoạch theo quy định.

- Chỉ đạo cán bộ được giao giải quyết công việc tiến hành lập hồ sơ công việc (*từ khi triển khai đến khi kết thúc công việc*) ngay trong quá trình giải quyết công việc đối với từng hồ sơ công việc theo quy định của Luật Lưu trữ và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện giao nộp hồ sơ, tài liệu thông tin, dữ liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu; danh mục, dữ liệu đặc tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định. Tài liệu giao nộp gồm bản giấy và bản số.

b) Đơn vị thu nhận thông tin, dữ liệu

- Triển khai thực hiện Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi được phê duyệt.

- Thống nhất với đơn vị giao nộp về thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận, phương tiện tiếp nhận và các nội dung khác có liên quan.

- Bố trí kho, đề xuất trang thiết bị cần thiết đảm bảo điều kiện lưu trữ, bảo quản an toàn dữ liệu.

- Đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; cung cấp thông tin, dữ liệu; danh mục, dữ liệu đặc tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

2. Kiểm tra tài liệu thu thập

a) Kiểm tra tài liệu dạng giấy, gồm:

- Số lượng tài liệu so với danh mục tài liệu giao nộp;

- Tính pháp lý của tài liệu (*ký duyệt, đóng dấu, ...*);

- Tình trạng vật lý của tài liệu (*rách nát, độ bền, ...*).

b) Kiểm tra tài liệu dạng số, gồm:

- Số lượng đĩa với danh mục giao nộp (*hình thức, nội dung, tem nhãn*);

- Số lượng tài liệu so với danh mục tài liệu giao nộp; Nội dung của đĩa (*tên danh mục, quy cách, cấu trúc thư mục, số lượng tệp tin...*);

- Tình trạng vật lý của tài liệu (*chất lượng đĩa và chất lượng bề mặt đĩa*);

- Chất lượng dữ liệu (*khả năng đọc bằng phần mềm tạo ra tài liệu đó, dung lượng, phiên bản cuối cùng, quy định kỹ thuật...*);

- Làm tem nhãn tạm đối với những đĩa chưa có tem nhãn và mục lục tệp tin dữ liệu, các thông tin trên đĩa.

c) Trường hợp thông tin, dữ liệu chưa đạt yêu cầu theo quy định, Đơn vị tiếp nhận lập Phiếu kiểm tra và ghi rõ các yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện và thời gian giao nộp. Đơn vị giao nộp phải có trách nhiệm hoàn thiện các nội dung giao nộp cho đơn vị giao nộp đảm bảo đúng quy định và thời gian nêu tại biên bản giao nộp.

d) Lập Giấy xác nhận giao nhận, thống nhất danh mục tài liệu giao nộp.

3. Chinh lý tài liệu dạng giấy

Tài liệu thực hiện chỉnh lý là các tài liệu hiện có trong kho chưa được chỉnh lý và tài liệu được thu thập theo Kế hoạch này.

a) Phân loại tài liệu, hồ sơ lưu trữ theo quy định (*Xác định thời hạn bảo quản, lĩnh vực*).

b) Biên mục hồ sơ (*sắp xếp hồ sơ theo hướng dẫn; nhập mục lục văn bản; in mục lục, kẹp vào bìa hồ sơ; viết bìa hồ sơ và chứng từ kết thúc.*)

c) Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn chỉnh việc biên mục hồ sơ;

d) Vệ sinh, tháo bỏ ghim kẹp, làm phẳng tài liệu, cho vào bìa hồ sơ và đánh số chính thức lên bìa hồ sơ;

đ) Sắp xếp hồ sơ vào hộp (cặp) và viết, dán nhãn hộp;

e) Vận chuyển hồ sơ vào kho, xếp lên giá và giao, nhận tài liệu vào kho;

g) Kết thúc chỉnh lý.

4. Tổ chức, sắp xếp tài liệu dạng số

a) Hoàn thiện làm nhãn, mã trên đĩa dữ liệu số: ghi rõ mục lục tệp tin dữ liệu, các thông tin trên đĩa;

b) Phân loại, xác định giá trị tài liệu và thời hạn bảo quản;

c) Cho số, ký hiệu thứ tự đĩa lưu tài liệu (*CD, DVD*);

d) Sao lưu (*01 bản sao lưu trên đĩa CD, DVD và 01 bản lưu vào thiết bị lưu trữ*);

đ) Sắp xếp đĩa (*CD, DVD*) lên giá, tủ;

e) Công cụ tra cứu (*trên giấy; phần mềm “Quản lý kho lưu trữ điện tử”*).

5. Tu bổ, phục chế, tiêu hủy tài liệu hết giá trị

Trong quá trình lưu trữ, Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố phải rà soát, kiểm tra tài liệu, hồ sơ lưu trữ để kịp thời tu bổ, phục chế hoặc làm bản sao bảo hiểm đối với các tài liệu bị hư hỏng; làm thủ tục tiêu hủy các tài liệu hết giá trị (*hết thời hạn bảo quản, tài liệu hư hỏng không thể tu bổ, phục chế, tài liệu dư thừa...*); thực hiện giao nộp tài liệu vào lưu trữ lịch sử theo quy định.

6. Số hóa thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện số hóa năm 2025 là:

- Thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, văn bản được hình thành trong quá trình giải quyết công việc đã thu thập, cập nhật, chỉnh lý và đang lưu trữ tại kho lưu trữ của Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường.

- Hồ sơ, tài liệu được thu thập theo kế hoạch năm 2025, đã được chỉnh lý, sắp xếp theo quy định.

IV. SẢN PHẨM THU THẬP, SỐ HÓA THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Sản phẩm thu thập

a) Danh mục thông tin, dữ liệu phải thu thập năm 2025 (*theo kế hoạch đã được phê duyệt*). Số lượng trang hồ sơ, tài liệu đã thu thập (*theo số liệu thực tế của từng hồ sơ đã hoàn thành*).

b) Tài liệu hồ sơ đã thu thập, được phân loại, chỉnh lý và vận chuyển tài liệu, hồ sơ vào kho lưu trữ, đưa vào hộp hồ sơ theo từng loại hồ sơ và xếp lên giá.

2. Số hóa dữ liệu

a) Dữ liệu tài nguyên môi trường số hóa bằng phương pháp quét, chụp tài liệu, đã được kiểm tra nghiệm thu theo quy định.

b) Cơ sở dữ liệu kho lưu trữ đã được nhập và sử dụng.

V. KINH PHÍ, THỜI GIAN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện kế hoạch được cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh (*nguồn không thường xuyên*).

- Kinh phí thu thập, chỉnh lý, tu bổ, bồi nền, số hóa, chuẩn hóa tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tại cấp tỉnh do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo.

- Kinh phí thu thập, chỉnh lý, số hóa, chuẩn hóa tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tại cấp huyện do ngân sách cấp huyện đảm bảo.

2. Phương thức thực hiện: Giao nhiệm vụ, đặt hàng.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực cấp tỉnh: Viên chức, lao động hợp đồng tại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch Điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025 theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng với Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

c) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch điều tra, thu thập cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định hiện hành; thực hiện số hoá thông tin,

dữ liệu theo kế hoạch, bảo quản, lưu trữ và tu bổ thực hiện đúng quy định của Luật lưu trữ và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu.

d) Xây dựng, ban hành danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm; Phối hợp và thực hiện công bố trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường. Gửi danh mục (*cập nhật theo năm*) thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Bộ Tài nguyên và Môi trường (*qua Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm*)

đ) Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ ngành.

e) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Tài chính

Thẩm định dự toán; tham mưu trình UBND tỉnh bố trí kinh phí cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện Kế hoạch điều tra, thu thập cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Thực hiện thanh quyết toán dự án theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành

a) Quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của đơn vị hình thành trong quá trình hoạt động của các đơn vị; Khuyến khích việc giao nộp tài liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của đơn vị. Cung cấp đầy đủ, kịp thời dữ liệu đặc tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để phục vụ công tác thu thập, lưu trữ, bảo quản, chỉnh lý, tra cứu, cung cấp, khai thác và sử dụng theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. UBND các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo, đơn đốc Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch Kế hoạch Điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường năm 2025, tiến hành thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, bảo quản, lưu trữ và tu bổ dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn.

b) Chỉ đạo các phòng, đơn vị liên quan cung cấp thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu; cung cấp thông tin, dữ liệu; danh mục, dữ liệu đặc tả về

thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

c) Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn theo quy định.

d) Báo cáo tình hình thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và môi trường.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc báo cáo kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục số 01

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
	Tổng (15 hồ sơ)			3.285	
A	Hồ sơ ĐTM				
1	Kè suối Nậm La, thành phố Sơn La, giai đoạn II (đoạn từ hồ Tuổi trẻ đến cầu Tông Panh)	Giấy	Hồ sơ	900	Năm 2024
2	Xây dựng xuất tuyến đường dây 22kv và 35kv sau TBA 110kV Sơn La 2	Giấy	Hồ sơ	700	Năm 2024
3	Đầu tư cứng hoá đường giao thông từ bản Bua Hin-Trung tâm xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	800	Năm 2024
4	Xây dựng hạ tầng khu dân cư bản Ái Khôm, xã Mường É, huyện Thuận Châu	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2024
B	Hồ sơ kiểm tra theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 11/01/2023				Năm 2023
5	Hợp tác xã nông nghiệp Hải Dương (Đầu tư Trang trại chăn nuôi lợn nái sinh sản, lợn thương phẩm và trồng cây ăn quả Vân Hồ, dự án điều chỉnh)	Giấy	Hồ sơ	35	Năm 2023
6	Công ty TNHH đầu tư và phát triển chợ phía Bắc Mường La (Đầu tư xây dựng chợ trung tâm Mường La)	Giấy	Hồ sơ	35	Năm 2023
7	Công ty Cổ phần xúc tiến đầu tư Thành Nam (Khai thác cát 05 điểm mỏ cát trên Sông Mã làm VLXD thông thường tại các xã Mường Lầm, Chiềng Sơ, Nà Nghịu huyện Sông Mã)	Giấy	Hồ sơ	35	Năm 2023
8	Hộ kinh doanh Lại Thị Thúy (Trại lợn Mường Bon)	Giấy	Hồ sơ	35	Năm 2023
9	Công ty TNHH Hoa Xuân (Trạm trộn bê tông thương phẩm công suất 120m3/h)	Giấy	Hồ sơ	35	Năm 2023
10	Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông (Thủy điện Mường Lầm)	Giấy	Hồ sơ	35	Năm 2023

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
11	UBND huyện Bắc Yên (<i>Khu xử lý rác thải huyện Bắc Yên</i>)	Số	Hồ sơ	35	Năm 2023
12	UBND huyện Vân Hồ (<i>Đường giao thông kết nối điểm du lịch rừng sinh thái bản Pa Cốp xã Vân Hồ với trung tâm xã Chiềng Xuân tỉnh Sơn La</i>)	Số	Hồ sơ	35	Năm 2023
13	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thế Kỷ (<i>Dự án khai thác điếm mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mòn, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La</i>)	Số	Hồ sơ	35	Năm 2023
14	Công ty Cổ phần chăn nuôi Minh Thúy Chiềng Chung (<i>Trang trại chăn nuôi Minh Thúy Xuân Nha</i>)	Số	Hồ sơ	35	Năm 2023
15	Công ty Cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc (<i>Nhà máy phân bón Sông Lam Tây Bắc</i>)	Số	Hồ sơ	35	Năm 2023

Phụ lục số 02

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ ĐẤT ĐAI
(Kèm theo Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên hồ sơ, tài liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
	Tổng (41 hồ sơ)			11.276	
I	Hồ sơ Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) tỉnh Sơn La				
1	Hạng mục xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	3940	Năm 2023
2	Hạng mục xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Phù Yên và huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	4051	Năm 2023
III	Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất				
3	Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	200	Năm 2021
IV	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất (2024)				
A	Hồ sơ phòng Đất đai và Đo đạc bản đồ lập				
4	Hồ sơ cho Công ty TNHH DTH Coffe thuê đất	Giấy	Hồ sơ	60	Năm 2024
5	Hồ sơ Hợp tác xã du lịch Pha Đin	Giấy	Hồ sơ	50	Năm 2024
6	Hồ sơ cho Công ty cổ phần xe khách số 1 Sơn La gia hạn sử dụng đất	Giấy	Hồ sơ	40	Năm 2024
7	Hồ Sơ cho Công ty Cổ phần xe khách Sơn La gia hạn sử dụng đất	Giấy	Hồ sơ	40	Năm 2024
8	Hồ sơ giao đất cho Công an tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	20	Năm 2024
9	Hồ sơ giao đất cho Ban chỉ huy quân sự thành phố Sơn La	Giấy	Hồ sơ	20	Năm 2024
10	Hồ sơ giao đất cho Sở Giao thông vận tải	Giấy	Hồ sơ	20	Năm 2024
11	Hồ sơ thu hồi đất Công ty cổ phần khoáng sản Sơn La	Giấy	Hồ sơ	20	Năm 2024
12	Hồ sơ thu hồi đất Công ty cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi Sơn La	Giấy	Hồ sơ	20	Năm 2024
13	Hồ sơ thu hồi đất Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La	Giấy	Hồ sơ	20	Năm 2024

STT	Tên hồ sơ, tài liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
14	Thu hồi đất bến xe khách Sông Mã	Giấy	Hồ sơ	15	Năm 2024
15	Hồ sơ cho Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Thương Mại Hòa Bình thuê đất	Giấy	Hồ sơ	255	Năm 2024
16	Hồ sơ cho Công ty TNHH Tài Thịnh Tây Bắc thuê đất	Giấy	Hồ sơ	111	Năm 2024
17	Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Châu để thực hiện dự án Đền thờ Liệt sỹ tại khu lịch sử - văn hóa đèo Pha Đin, huyện Thuận Châu tại bản Ái Khôm, xã Mường É, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	100	Năm 2024
18	Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nga thuê đất tại xã Mường Chiên, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La để thực hiện Dự án Đầu tư khai thác than tại huyện Quỳnh Nhai	Giấy	Hồ sơ	354	Năm 2024
B	Hồ sơ do VPĐK đất đai lập				
19	Hồ sơ thuê đất của Công ty cổ phần thủy điện Suối Chim	Giấy	Hồ sơ	110	Năm 2024
20	Hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH Thương mại Trường Hải Sơn La	Giấy	Hồ sơ	90	Năm 2024
21	Hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH Thương mại Trường Hải Sơn La	Giấy	Hồ sơ	90	Năm 2024
22	Hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH Thương mại Trường Hải Sơn La	Giấy	Hồ sơ	90	Năm 2024
23	Hồ sơ thuê đất của Công ty cổ phần CMC Mường La	Giấy	Hồ sơ	100	Năm 2024
24	Hồ sơ thuê đất của Công ty cổ phần CMC Mường La	Giấy	Hồ sơ	100	Năm 2024
25	Hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH Anh Khang Sơn La	Giấy	Hồ sơ	80	Năm 2024
26	Hồ sơ thuê đất của Công ty CP Tập đoàn Picensa Việt Nam	Giấy	Hồ sơ	100	Năm 2024
27	Hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH MTV Nam Sơn Sơn La	Giấy	Hồ sơ	90	Năm 2024
28	Hồ sơ thuê đất của Chi nhánh xăng dầu Sơn La	Giấy	Hồ sơ	90	Năm 2024

STT	Tên hồ sơ, tài liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
31	Hồ sơ thuê đất của Công ty cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	120	Năm 2024
32	Hồ sơ thuê đất của Công ty Cổ phần thương mại ô tô Tây Bắc	Giấy	Hồ sơ	120	Năm 2024
33	Hồ sơ thuê đất của Hợp tác xã Ban Mai	Giấy	Hồ sơ	80	Năm 2024
34	Hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH Thanh Nga Tây Bắc	Giấy	Hồ sơ	80	Năm 2024
35	Hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH Thanh Nga Tây Bắc	Giấy	Hồ sơ	80	Năm 2024
36	Hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH Thanh Nga Tây Bắc	Giấy	Hồ sơ	80	Năm 2024
37	Hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH Thanh Nga Tây Bắc	Giấy	Hồ sơ	100	Năm 2024
38	Hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH Tín Phát Phúc Sơn	Giấy	Hồ sơ	100	Năm 2024
39	Hồ sơ thuê đất của Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình - Công ty TNHH Một thành viên	Giấy	Hồ sơ	100	Năm 2024
40	Hồ sơ thuê đất của Công ty cổ phần đầu tư và Phát triển thương mại PLI	Giấy	Hồ sơ	100	Năm 2024
41	Hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH Tài Thịnh Tây Bắc	Giấy	Hồ sơ	80	Năm 2024

Phụ lục số 03

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ GIÁ ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
	Tổng (22 hồ sơ)			3.240	
A	Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất				
1	Xử lý cấp bách ngập úng cục bộ tại cầu bản Bó Ân, phường Chiềng Cơi, khu dân cư 11, phường Quyết Tâm và tổ 1 phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Giấy	Hồ sơ	100	Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 27/9/2023
2	Khu đô thị phường Chiềng Lề, phường Chiềng An, thành phố Sơn La (bổ sung đất ở tại đô thị)	Giấy	Hồ sơ		
3	Đường lên Thao trường huấn luyện huyện Thuận Châu	Giấy	Hồ sơ	100	Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 03/4/2023
4	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Tô Buông, xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	Giấy	Hồ sơ		
5	Dự án di chuyển đường dây 110kV, 35kV mạch kép đoạn Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La – TBA 110kV Chiềng Sinh	Giấy	Hồ sơ	100	Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 07/4/2023
6	Dự án Trạm bơm tăng áp thuộc tiểu khu 2, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	Giấy	Hồ sơ	150	Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 22/4/2023
7	Nâng cấp đường giao thông Nậm Ty, huyện Sông Mã - Mường Chanh, huyện Mai Sơn (đoạn trung tâm xã Nậm Ty) - bản Pá Làn, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã - bản Nà Kẹ, xã Nậm Lâu, huyện Thuận Châu) tỉnh Sơn La (trên địa bàn huyện Mai Sơn)	Giấy	Hồ sơ		
8	Dự án Hạ tầng đầu giá tiểu khu 3/2, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	150	Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 10/5/2023
9	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND xã Chiềng Ân, huyện Mường La	Giấy	Hồ sơ		
10	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 37 (huyện Bắc Yên) với Quốc lộ 279D	Giấy	Hồ sơ	150	Quyết định số 857/QĐ-UBND

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
	(huyện Mường La), tỉnh Sơn La (địa phận huyện Mường La)				ngày 22/5/2023
11	Dự án Kè chống sạt lở suối Vạt bảo vệ thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu (giai đoạn II)	Giấy	Hồ sơ		
B	Hồ sơ giá đất cụ thể tính tiền thuê đất, tiền sử dụng đất				
12	Dự án Nhà ở thương mại và hạ tầng khu đô thị Tây Tiến, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	600	Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 19/10/2023
13	Dự án Khu dân cư trung tâm hành chính tiểu khu 14 (lô đất ODB), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	500	Quyết định số 2125/QĐ-UBND ngày 19/10/2023
14	Khu đất của Công ty thủy điện Sơn La - Chi nhánh tập đoàn điện lực Việt Nam tại tổ 3, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	230	Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 14/8/2023
15	Khu đất của Chi nhánh xăng dầu Sơn La tại tổ 9, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	90	Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 15/01/2024
16	Khu đất của Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông I Sơn La tại tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La	Giấy	Hồ sơ	210	Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 14/8/2023
17	Khu đất của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp Sơn La tại tổ 4, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La	Giấy	Hồ sơ	110	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 03/01/2024
18	Khu đất của Công ty TNHH thương mại Trường Hải Sơn La tại tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Giấy	Hồ sơ	140	Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 08/9/2023
19	Khu đất của Công ty TNHH thương mại Trường Hải Sơn La tại bản Phung, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Giấy	Hồ sơ	130	Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 08/9/2023
20	Khu đất của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp Sơn La tại tổ 1, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Giấy	Hồ sơ	150	Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 14/8/2023

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
21	Khu đất của Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam tại tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	130	Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 08/9/2023
C	Hồ sơ thẩm định, trình phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng				
22	Dự án: Đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu (đợt 1).	Giấy	Hồ sơ	200	Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 22/01/2024

Phụ lục số 04

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ THANH TRA, KIỂM TRA*(Kèm theo Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh)*

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
	Tổng (21 hồ sơ)			6.350	
A	Hồ sơ Thanh tra				
1	Thanh tra trách nhiệm của Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai trong thực hiện pháp luật về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, tiêu cực	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
2	Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong việc cấp, thu hồi Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
3	Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai và việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước đối với Công ty CP ĐT&XD Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
4	Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Công ty TNHH MTV Hồng Kông Sơn La (<i>Dự án Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ kinh doanh tổng hợp, địa chỉ: Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La</i>)	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
5	Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Công ty TNHH Đại Lộc Mộc Châu (<i>khu đất thực hiện dự án tại Bản Loóng Luông, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ</i>)	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
6	Thanh tra việc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân mua căn hộ, thửa đất trong dự án phát triển nhà ở, đô thị đối với Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam (<i>KĐT số 2, phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La</i>)	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
7	Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường; tài nguyên nước; việc quản lý, sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Công ty cổ phần MTG Việt Nam (<i>Dự án Trang trại chăn nuôi lợn nái sinh sản tại xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu</i>)	Giấy	Hồ sơ	400	Năm 2024
8	Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường; tài nguyên nước; việc quản lý, sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Công ty CP cấp nước Sơn La (<i>Trạm cấp nước Chiềng Ly, xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu; Trạm cấp nước Sốp Cộp</i>)	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
9	Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường; tài nguyên nước; KTTV và việc quản lý, sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình (<i>Thủy điện Suối Sập 1</i>)	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
10	Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ đối với Công ty Cổ phần Quốc tế Tây Bắc (<i>Địa chỉ: Số nhà 99, đường Trường Chinh, tổ 4, Phường Quyết Thắng, TP Sơn La, tỉnh Sơn La</i>)	Giấy	Hồ sơ	200	Năm 2024
B	Hồ sơ giải quyết khiếu nại				
11	Đơn khiếu nại của Ông Trần Đức Dũng (<i>nhận ủy quyền của ông Trần Văn Cường</i>), huyện Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
12	Đơn khiếu nại của Ông Nguyễn Trường Sơn, trú tại xóm 6 tổ 8, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
13	Đơn khiếu nại của ông Tráng A Trư, cư trú tại bản Hua Tạt, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La (<i>lần hai</i>).	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
14	Đơn khiếu nại của ông Đoàn Văn Lộc - Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Đoàn Lộc. Địa chỉ: Số nhà 216 đường Tô Hiệu, tổ 6, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
15	Đơn khiếu nại của của Công ty Đấu giá hợp danh 2E HHT Việt Nam	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
16	Đơn khiếu nại của Ông Nguyễn Thành Công, tổ 1, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La (<i>đơn đề ngày 15/4/2024</i>)	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
17	Đơn khiếu nại của Bà Phạm Thuý Hà, tổ 1, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
18	Đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Quỳnh, tổ 1, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
19	Đơn khiếu nại của Giàng Gạ Mua (địa chỉ: bản Tư Làng A, xã Mường Bám, huyện Thuận Châu)	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
20	Đơn khiếu nại của ông Đỗ Văn Lia, tiểu khu 5 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024
21	Đơn khiếu nại của ông Thào A Lữ, bản Chổng Tra, xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên	Giấy	Hồ sơ	300	Năm 2024

Phụ lục số 05

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
	Tổng (27 hồ sơ)			34.115	
A	Hồ sơ cấp phép tài nguyên nước				
1	Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu	Giấy	Hồ sơ	385	Năm 2023
2	Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La Nhà máy nước Sốp Cộp	Giấy	Hồ sơ	450	Năm 2023
3	Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên	Giấy	Hồ sơ	400	Năm 2023
4	Công ty thủy điện Sơn La - Cấp nước sinh hoạt nhà máy thủy điện Sơn La	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2024
5	Bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp	Giấy	Hồ sơ	30	Năm 2024
6	Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Sơn La - Hồ chứa nước bản Mòng	Giấy	Hồ sơ	40	Năm 2024
7	Công ty TNHH MTV QLKT CTTL Sơn La - Hệ thống thủy lợi Nà Sản	Giấy	Hồ sơ	40	Năm 2024
8	Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La - Trạm cấp nước Nà Sản	Giấy	Hồ sơ	420	Năm 2024
9	Công ty TNHH IC FOOD SONLA - Nhà máy bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
10	Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên huyện Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	320	Năm 2024
11	Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu - Cấp nước sản xuất trang trại 2000	Giấy	Hồ sơ	400	Năm 2024
12	Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu - Cấp nước sản xuất Nhà máy sữa Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	400	Năm 2024
13	Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu - Cấp nước sản xuất Xưởng chế biến sữa thanh trùng	Giấy	Hồ sơ	400	Năm 2024
14	Công ty cổ phần Hoa Nhiệt đới - Bản Áng (GK1), xã Đông Sang, huyện Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	220	Năm 2024
15	Công ty cổ phần Hoa Nhiệt đới - Tiểu khu Bó Bun (GK3), TT Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	220	Năm 2024

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
16	Công ty cổ phần Hoa Nhiệt đới - Bản Búa (GK2), xã Đông Sang, huyện Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	220	Năm 2024
17	Công ty cổ phần Phúc Sinh Sơn La - Nhà máy chế biến sâu tinh chế cà phê từ sản phẩm cà phê	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
B	Hồ sơ tiền cấp quyền tài nguyên nước				
1	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La - Trạm cấp nước Mường Giàng	Giấy	Hồ sơ	80	Năm 2023
2	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La - Trạm cấp nước Chiềng Ly	Giấy	Hồ sơ	80	Năm 2023
3	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La - Nhà máy nước Sốp Cộp	Giấy	Hồ sơ	80	Năm 2023
4	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La - Trạm cấp nước Nà Sản	Giấy	Hồ sơ	80	Năm 2024
5	Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu - Khu trang trại 2000	Giấy	Hồ sơ	50	Năm 2024
6	Công ty cổ phần KST Việt Nam - Điểm du lịch cộng đồng Vigolando	Giấy	Hồ sơ	50	Năm 2024
7	Công ty thủy điện Sơn La – Cấp nước sinh hoạt Nhà máy thủy điện Sơn La	Giấy	Hồ sơ	50	Năm 2024
C	Nhiệm vụ, dự án tài nguyên nước				
1	Xây dựng hệ thống quản lý, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước và quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	25.000	Năm 2023
2	Đánh giá tác động tổng thể của việc xây dựng các công trình thủy điện trên lưu vực sông Mã thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	1500	Năm 2024
3	Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các sông suối trên địa bàn tỉnh và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của các nguồn nước	Giấy	Hồ sơ	2000	Năm 2022

Phụ lục số 06

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN*(Kèm theo Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh)*

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
	Tổng (84 hồ sơ)			33.450	
A	Hồ sơ cấp GP thăm dò khoáng sản				
1	1 GP thăm dò số 2438/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 mỏ đá vôi bản Tây Hưng và bản Pá Phang, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2023
2	2 GP thăm dò số 309/GP-UBND (28/02/2023) mỏ đá làm NLSX cát tại khu 4 tiểu khu bó bun thị trấn Nông trường Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2023
3	3 GP thăm dò số 437/GP-UBND (27/3/2023) mỏ đá vôi khu 2 bản Sen To xã Tông Cọ	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2023
4	4 GP thăm dò số 74/QĐ-UBND 16/01/2024 mỏ đất san lấp Bản Bật Đông xã Sập Vạt Yên Châu	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
5	5 GP thăm dò số 06/QĐ-UBND 03/01/2024 mỏ đá vôi tiểu khu Pa Khen thị trấn Nông trường Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
6	6 GP thăm dò số 899/QĐ-UBND 17/05/2024 mỏ đá làm NLSx cát Tiểu khu 19/5, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
7	7 GP thăm dò số 1209/QĐ-UBND 26/06/2024 mỏ đá vôi bản Tám Ba, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
8	8 GP thăm dò số 1890/QĐ-UBND 11/09/2024 mỏ đất san lấp khu vực Chiềng Ve, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
9	9 GP thăm dò số 1891/QĐ-UBND 11/09/2024 mỏ đất san lấp Tiểu khu 19/5, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
10	10 GP thăm dò số 1876/QĐ-UBND 10/09/2024 mỏ đá làm NLSX cát khu 2 bản Thuông Công xã Vân Hồ	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024

STT		Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
11	11	GP thăm dò số 1888/QĐ-UBND 11/09/2024 mở đất san lấp khu Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
12	12	GP thăm dò số khu mở rộng bản Nà Lù 2 xã Huy Hạ (nay là Nà Lò 2)	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
13	13	GP thăm dò số 1875/QĐ-UBND 10/09/2024 mở đá vôi KV mở rộng bản Nà Lò 2, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
14	14	GP thăm dò số 1985/QĐ-UBND 23/09/2024 mở đất san lấp bản Lìn, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
15	15	GP thăm dò số 836/QĐ-UBND 09/05/2024 mở đất sét Bản Xum Côn, xã Nà Nghịu	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
	B	Hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản				
16	1	Quyết định số 159/QĐ-UBND (01/2/2023) về việc phê duyệt trữ lượng đá vôi mỏ đá bản Mé Léch xã Cò Nòi	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2023
17	2	Quyết định số 736/QĐ-UBND 08/05/2023 về việc phê duyệt trữ lượng đất sét tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn	Giấy	Hồ sơ	550	Năm 2023
18	3	Quyết định số 2470/QĐ-UBND 21/11/2023 về việc phê duyệt trữ lượng đất sét tại bản Bật xã Sập Vạt, thị trấn Yên Châu	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2023
19	4	Quyết định số 1500/QĐ-UBND 14/8/2023 về việc phê duyệt trữ lượng đá vôi khu 2 bản Sen To xã Tông Cọ	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2023
20	5	Quyết định số 27/QĐ-UBND - 06/01/2023 về việc phê duyệt trữ lượng điều chỉnh cát trên lòng sông Đà thị trấn Ít ong và xã Chiềng San	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2023
21	6	Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 28/06/2024 về việc phê duyệt trữ lượng đất san lấp tại Bản Bật Đông, xã Sập Vạt, Yên Châu	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2024
22	7	Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 09/04/2024	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2024

STT		Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
		về việc phê duyệt trữ lượng đá vôi tại bản Tây Hưng và bản Pá Phang, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu				
23	8	Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày13/06/2024 về việc phê duyệt trữ lượng đá vôi tại tiểu khu Pa Khen, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2024
24	9	Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 10/05/2024 về việc phê duyệt trữ lượng đá làm NLSX cát tại tiểu khu 4 tiểu khu Bó Bun, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2024
25	10	Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 11/09/2024 về việc phê duyệt trữ lượng cát tại 08 điểm cát Sông Mã, huyện Sông Mã	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2024
	C	Hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản				
26	1	Bản xác nhận đăng ký kế hoạch, khối lượng KT trong công trình số 2439/XN-UBND – ngày 20/11/2023 tại khu vực bản Kho Vàng, bản Huổi Qua, xã Viêng Lán, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La thuộc dự án Kè chống sạt lở suối Vạt bảo vệ thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2023
27	2	Giấy phép khai thác đá vôi số 1534/GP-UBND 16/8/2023 bản Mòn mỏ 1 thị trấn Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	600	Năm 2023
28	3	Giấy phép KTKS gia hạn số 1712/GP-UBND (06/9/2023) tại mỏ đá phiến sét kv Thác Vai bản Mòn xã Tạ Bú	Giấy	Hồ sơ	600	Năm 2023
29	4	Giấy phép KTKS số 1555/QĐ-UBND 20/8/2023 mỏ cát tại Bản Nà Sàng xã Chiềng Hoa và xã Mường Chùm	Giấy	Hồ sơ	600	Năm 2023
30	5	Giấy phép KTKS số '2654/GP-UBND (07/12/2023) mỏ đá bản Huổi Lầu xã Mường Và huyện Sốp Cộp	Giấy	Hồ sơ	600	Năm 2023
31	6	Giấy phép KTKS số 172/QĐ-UBND (03/02/2023) mỏ đá vôi bản Hua Tạt, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Giấy	Hồ sơ	600	Năm 2023

STT		Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
32	7	Giấy phép KTKS số 173/QĐ-UBND (03/02/2023) gia hạn mỏ cát thuộc xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn và các xã: Pắc Ngà, Song Pe, Chim Vàn, Tạ Khoa thuộc huyện Bắc Yên	Giấy	Hồ sơ	700	Năm 2023
33	8	Giấy phép khai thác đá vôi trong CT theo 458/XN-UBND ngày (18/3/2024) của Công ty cổ phần năng lượng dầu khí Toàn Cầu, Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Pàn 5	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
34	9	Giấy phép khai thác đá làm NLSX cát theo số 08/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La cho Công ty CP đầu tư xây dựng thương mại Đức Lộc, bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	600	Năm 2024
35	10	Giấy phép khai thác khoáng sản số 643/GP-UBND ngày 05/4/2024 cho phép Công ty CP đầu tư và phát triển nông sản Tây Bắc khai thác Đá làm NLSX cát trong CT trong diện tích công trình dự án nhà máy chế biến, ảo quản sản phẩm nông nghiệp Mộc Châu	Giấy	Hồ sơ	400	Năm 2024
36	11	Giấy phép khai thác than theo Quyết định 719/QĐ-UBND ngày (19/4/2024) của UBND tỉnh Sơn La cho Công ty cổ phần khoáng sản Sơn La, mỏ than Suối Bàng, xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ	Giấy	Hồ sơ	600	Năm 2024
37	12	Giấy phép khai thác đá vôi theo Quyết định 898/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La cho Công ty TNHH sản xuất kính doanh thương mại Hòa Bình, khu 2 bản Sen To, xã Tông Cọ	Giấy	Hồ sơ	600	Năm 2024
38	13	Giấy phép khai thác than theo Quyết định 156/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nga, tại khu Nà Sàng, xã Cà Nàng và xã Mường Chiên; khu Nà Sùng, xã Mường Chiên	Giấy	Hồ sơ	600	Năm 2024

STT		Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
39	14	Giấy phép khai thác đá vôi trong CT theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng hạ tầng và Giao thông, Dự án Nhà máy thủy điện Mường Lầm	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
	D	Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản				
40	1	Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ Khu vực Pom Ư Hừ, xã Chiềng Ngần và phường Chiềng Còi, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn la theo Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	Giấy	Hồ sơ	400	Năm 2023
41	2	Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ bản Hua Tật, xã Vân Hồ theo Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	Giấy	Hồ sơ	400	Năm 2023
42	3	Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ bản He xã Chiềng Khoang theo Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	Giấy	Hồ sơ	400	Năm 2023
43	4	Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ điểm khai thác cát thuộc xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn và các xã: Pắc Ngà, Song Pe, Chim Vàn, Tạ Khoa thuộc huyện Bắc Yên của Công ty cổ phần Phú Lâm Phù Yên, tại Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	Giấy	Hồ sơ	500	Năm 2024
44	5	Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ đá vôi tại Noong Ảng bản Cọ, phường Chiềng An của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Tuấn Cường tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	Giấy	Hồ sơ	400	Năm 2024
45	6	Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ đá vôi tại bản Mạt xã Chiềng Mung (Đ7) của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Kim Thành tại Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	Giấy	Hồ sơ	400	Năm 2024
	E	Hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản				

STT		Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
46	1	Quyết định đóng cửa mỏ đá vôi bản Hua Tạt, xã Vân Hồ. Huyện Vân Hồ tại Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2023
47	2	Quyết định đóng cửa mỏ than Suối Bàng, xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ tại Quyết định số 10/QĐ-UBND (04/01/2023)	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2023
48	3	Quyết định đóng cửa mỏ đá vôi bản Huổi Lầu xã Mường Và huyện Sốp Cộp tại Quyết định số 28/QĐ-UBND 06/01/2023	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2023
49	4	Quyết định đóng cửa mỏ đá vôi Khu vực Pom U Hừ, xã Chiềng Ngần và phường Chiềng Coi, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, của Doanh nghiệp tư nhân Nhất Trí Thành tại Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
50	5	Quyết định đóng cửa điểm khai thác cát thuộc xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn và các xã: Pắc Ngà, Song Pe, Chim Vàn, Tạ Khoa thuộc huyện Bắc Yên của Công ty cổ phần Phú Lâm Phù Yên tại Quyết định số 1216/QĐ-UBND 26/6/2024	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
51	6	Quyết định đóng cửa điểm khai thác đá vôi tại bản He xã Chiềng Khoang của Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Tuấn Cường tại thành phố Sơn La tại Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 07/6/2024	Giấy	Hồ sơ	350	Năm 2024
	F	Hồ sơ Đấu giá quyền khai thác khoáng sản				
52	1	Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm VLXDĐT tại bản Tây Hưng và bản Pá Phang, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2023
53	2	Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2023

STT		Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
		quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát khu 2, bản Tà Hộc, xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La				
54	3	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát bản Tà Chan, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2023
55	4	Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất sét làm gạch, ngói tại Bản Xum Côn, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2023
56	5	Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp tại bản Bất Đông, xã Sấp Vạt, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2023
57	6	Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá làm VLXDĐT tại tiểu khu Pa Khen, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2023
58	7	Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá làm VLXDĐT tại bản Tám Ba, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
59	8	Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá làm VLXDĐT tại bản Nà Lò 2, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024

STT		Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
60	9	Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Pàn Ngùa, xã Tô Múa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
61	10	Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản khu vực mở rộng mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại Bản Nà Lù 2 (nay là Bản Nà Lò 2), xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
62	11	Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản khu 3 mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Mé Lếch, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
63	12	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Hua Tạt, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
64	13	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá làm nguyên liệu sản xuất cát tại khu 2, bản Thuông Công, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
65	14	Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá làm nguyên liệu sản xuất cát tiểu khu 19/5, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024

STT		Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
66	15	Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát bản Huổi Púng, Huổi Han và Pá Lung, xã Chiềng En, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
67	16	Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát bản Sòng, bản Pảng, xã Yên Hưng, bản Quảng Tiến xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
68	17	Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát bản Thắng Lợi, bản Nà Cầm và bản Nà Tọ xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
69	18	Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 18/9/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất làm gạch, ngói khu vực đồi Chằm Khí, bản Chằm Chải, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
70	19	Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 06/8/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất san lấp tại bản Nam, xã Hua La, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
71	20	Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 06/8/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024

STT		Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
		thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất san lấp tại bản Thống Nhất, xã Mường Bon và tiểu khu 15, 16 thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La				
72	22	Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 06/8/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất san lấp tại xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
73	23	Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất san lấp tại bản Nà Nghịu, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
74	24	Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 07/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất san lấp tại bản Lìn, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
75	25	Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 07/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất san lấp tại khu bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
76	26	Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024

STT		Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
		thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất san lấp tại tiểu khu 19/5, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La				
77	27	Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất san lấp tại khu vực Chiềng Ve, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
78	28	Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất san lấp tại khu vực cạnh Quốc lộ 43, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
79	29	Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất san lấp tại khu vực xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
80	30	Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ đất san lấp tại khu vực đồi Hua Tật, xã Vân Hồ (khu 2), huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	350	Năm 2024
	G	Nhiệm vụ, Dự án				
82	1	Điều tra, khảo sát, đánh giá, xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp phòng tránh, khắc phục sụt lún tại bản Xum, bản Lo, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	300	Năm 2024

STT		Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến (tờ)	Thời gian hoàn thành tài liệu
83	2	Điều tra, khảo sát, đánh giá, xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp phòng tránh, khắc phục sụt lún tại bản Noong Sơn, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	300	Năm 2024
84	3	Rà soát điều chỉnh bổ sung khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Sơn La	Giấy	Hồ Sơ	250	Năm 2024

Phụ lục số 07

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐẶC TẢ
(Kèm theo Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng tờ	Thời gian hoàn thành tài liệu
		Số	Báo cáo		
I	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn			84	
1	Quyết định về việc phê duyệt kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ				CV số 3343/SNN-KHTC ngày 13/9/2024
2	Quyết định về việc phê duyệt Kết quả thực hiện nhiệm vụ điều tra, khảo sát các giống loài động vật, thực vật trong khu rừng đặc dụng Sốp Cộp				
3	Quyết định về việc phê duyệt Kết quả thực hiện nhiệm vụ Điều tra, khảo sát các giống loài động vật, thực vật trong khu rừng đặc dụng Tà Xùa				
4	Quyết định về việc phê duyệt Kết quả thực hiện nhiệm vụ Điều tra, khảo sát các giống loài động vật, thực vật trong khu rừng đặc dụng Xuân Nha				
5	Quyết định về việc phê duyệt Kết quả thực hiện nhiệm vụ điều tra, khảo sát các giống loài động vật, thực vật khu bảo tồn thiên nhiên Mường La				
II	Huyện Bắc Yên			9	
1	Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bắc Yên				CV804/BC-UBND ngày 4/10/2024
2	Cấp giấy phép môi trường: Dự án bổ sung cơ sở vật chất cho Trường THPT huyện Bắc Yên				
3	Cấp giấy phép môi trường: Dự án Trạm Phiêng Ban – Chi nhánh cấp nước Bắc Yên, Tiểu khu III, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên				
III	Huyện Mai Sơn			75	
A	Thông tin, dữ liệu lĩnh vực đất đai				CV934/BC-

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng tờ	Thời gian hoàn thành tài liệu
1	Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Mai Sơn				UBND ngày 20/9/2024
2	Hồ sơ thu hồi đất để thực hiện Dự án năm 2020: Công trình khu tâm linh (Nhà tưởng niệm, bia ghi công, sân và một số hạng mục khác) thuộc di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn				
3	Hồ sơ thu hồi đất thực hiện các dự án năm 2021, 2022				
3.1	Dự án tuyến đường Quốc lộ 6 (đoạn tránh thành phố Sơn La)				
3.2	Dự án Trường bắn, thao trường huấn luyện Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La (Quân khu 2)				
3.3	Dự án Công trình xây dựng đường dây 35kV xuất tuyến trạm 110kV Mai Sơn, cấp điện khu vực thị trấn Mai Sơn, kết nối lưới điện khu vực các huyện Bắc Yên, Yên Châu				
3.4	Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Pàn 5				
3.5	Dự án Khu dân cư Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn				
3.6	Dự án Khu tái định cư Trung tâm chính trị - Hành chính huyện và các dự án khác				
3.7	Dự án Công trình Xây dựng đường dây 35kV xuất tuyến trạm 110kV Mai Sơn, cấp điện Khu công nghiệp Mai Sơn				
4	Hồ sơ thu hồi đất để thực hiện các Dự án năm 2023				
4.1	Dự án Khu di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I)				
4.2	Dự án Nhà máy nước Chiềng Dong và các tuyến ống truyền tải nước sạch kết nối thành				
5	Báo cáo thống kê đất đai năm 2023				

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng tờ	Thời gian hoàn thành tài liệu
6	Hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất huyện Mai Sơn năm 2022				
7	Hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất huyện Mai Sơn năm 2023				
B	Thông tin, dữ liệu lĩnh vực môi trường				
8	Hồ sơ cấp giấy phép môi trường năm 2022				
8.1	Nhà máy sản xuất phân hữu cơ và chăn nuôi trùn quế tại tiểu khu 7, Nà Bó, huyện Mai Sơn				
8.2	Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm của hộ kinh doanh Đinh Văn Cấp tại bản Mạt, xã Chiềng Mung				
8.3	Cửa hàng xăng dầu Chiềng Ban tại bản Áng Ứng, xã Chiềng Ban				
9	Hồ sơ cấp giấy phép môi trường năm 2023				
9.1	Trang trại chăn nuôi lợn tại bản Lọng Khoang bản Lọng Khoang, xã Hát Lót				
9.2	Trường PTDT nội trú huyện Mai Sơn, tiểu khu 13, thị trấn Hát Lót				
9.3	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Hồng Tiên, bản Nà Hạ 2, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn				
9.4	Trường THPT Mai Sơn, tiểu khu 13, thị trấn Hát Lót				
9.5	Cửa hàng xăng dầu số 03 Mai Sơn, tiểu khu 14, thị trấn Hát Lót				
9.6	Nhà máy chế biến cà phê Sơn La, bản Thống Nhất, xã Mường Bon				
9.7	Trạm y tế xã Mường Bằng, bản Bằng Thịnh, xã Mường Bằng				
9.8	Trạm y tế xã Chiềng Chăn, bản Sài Lương, xã Chiềng Chăn				
9.9	Trạm y tế xã Nà Bó, tiểu khu 8, xã Nà Bó				

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng tờ	Thời gian hoàn thành tài liệu
9.10	Cửa hàng xăng dầu Chiềng Chăn, bản Sài Lương, xã Chiềng Chăn				
9.11	Cơ sở chế biến cà phê tại bản Phiêng Khoài Tong Chỉnh, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn				
9.12	Trang trại chăn nuôi lợn tại bản Nà Nọi, xã Hát Lót				
10	Báo cáo quan trắc môi trường huyện Mai Sơn năm 2023				
IV	Huyện Mường La			26	
1	Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024				4227/BC-UBND ngày 4/9/2024
2	Hồ sơ thu hồi đất của dự án Cải tạo, nâng cấp đường nối QL 37 huyện Bắc Yên với QL 279D huyện Mường La, tỉnh Sơn La (địa phận huyện Mường La) (đợt 5)				
3	Hồ sơ thu hồi đất của dự án Tuyến đường dây 220 kv Huổi Quảng - Nghĩa Lộ (đợt 2)				
4	Hồ sơ thu hồi đất của dự án Cải tạo, nâng cấp đường nối QL 37 huyện Bắc Yên với QL 279D huyện Mường La, tỉnh Sơn La (địa phận huyện Mường La) (đợt 6)				
5	Hồ sơ thu hồi đất của dự án Đường giao thông xã Mường Bú, Mường Chùm (huyện Mường La) - xã Chiềng Sung (huyện Mai Sơn) (đợt 1)				
6	Hồ sơ thu hồi đất của dự án Đầu tư chợ xã Ngọc Chiến, huyện Mường La (đợt 1)				
7	Hồ sơ thu hồi đất của dự án Đường giao thông xã Mường Bú, Mường Chùm (huyện Mường La) - xã Chiềng Sung (huyện Mai Sơn) (đợt 2)				
8	Hồ sơ thu hồi đất của dự án Đầu tư chợ xã Ngọc Chiến, huyện Mường La (đợt 2)				
V	Huyện Phù Yên			41	
A	Thông tin, dữ liệu lĩnh vực đất đai				975 /BC-

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng tờ	Thời gian hoàn thành tài liệu
1	Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất 2024 huyện Phù Yên				UBND ngày 04/9/2024
2	Thống kê đất đai năm 2023				
3	Dự án: Điềm du lịch Ban Mai suối Chiêu tại xã Mường Thái huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La				
4	Hồ sơ thu hồi đất: Dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Suối Tre, bản Bèo, xã Tường Phong (Đợt 2)				
5	Dự án: Định canh định cư bản Khoai Lang, xã Mường Thái, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (Đợt 2)				
6	Hồ sơ thu hồi dự án: Trụ sở làm việc công an xã Suối Tọ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La				
7	Hồ sơ thu hồi dự án: Trụ sở làm việc công an xã Tường Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La				
8	Thủy điện Suối Lèo				
9	Hồ sơ giá đất cụ thể 05 dự án trụ sở công an xã: Tường Phong, Tường Thượng, Huy Tân, Huy Tường, Suối Tọ				
B	Thông tin, dữ liệu lĩnh vực Môi trường				
1	Cấp giấy phép môi trường: Cửa hàng xăng dầu Tường Phù				
2	Cấp Giấy phép môi trường: Nhà máy sản xuất giấy hoàn chỉnh xuất khẩu công suất 950.000 đôi/năm tại xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La				
3	Cấp giấy phép môi trường: Nhà máy sản xuất giấy hoàn chỉnh xuất khẩu công suất 950.000 đôi/năm tại bản Văn Còi, xã Mường Còi huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La				
4	Nhà máy sản xuất giấy hoàn chỉnh xuất khẩu công suất 950.000 đôi/năm tại xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La				
5	Cấp giấy phép môi trường: Điềm du lịch Ban Mai, Suối Chiêu				

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng tờ	Thời gian hoàn thành tài liệu
VI	Huyện Quỳnh Nhai			21	
A	Thông tin, dữ liệu lĩnh vực đất đai				4227/BC-UBND ngày 4/9/2024
1	Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Quỳnh Nhai				
2	Hồ sơ thu hồi đất để thực hiện Dự án: Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở cao tại bản Nậm Ngùa, xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai và dự án: Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở cao tại bản Huổi Ngà, xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai				
3	Báo cáo thống kê đất đai năm 2023				
4	Hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất huyện Quỳnh Nhai năm 2022				
5	Hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất huyện Quỳnh Nhai năm 2023				
B	Thông tin, dữ liệu lĩnh vực môi trường				
1	Cấp giấy phép môi trường: Dự án Hoàn thiện cơ vật chất về y tế, đảm bảo tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của các xã trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai				
VII	Huyện Sông Mã			150	
1	Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính				1021/BC-UBND ngày 4/9/2024
2	Đăng ký, cấp giấy CNQSD đất lần đầu				
3	Chuyển mục đích sử dụng đất				
4	Giao đất, cho thuê đất				
5	Thu hồi đất				
6	Giá đất				
7	Thống kê, kiểm kê đất đai				
8	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất				
9	Cấp giấy phép môi trường cho các cơ sở/dự án				
10	Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường (định kỳ) đối với các cơ sở/dự án				

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng tờ	Thời gian hoàn thành tài liệu
VIII	Huyện Sốp Cộp			51	
A	Hồ sơ đất đai				888/BC-UBND ngày 6/9/2024
1	Hồ sơ thu hồi đất thực hiện dự án: Sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pu Hao, xã Mường Lạn				
2	Thu hồi đất thực hiện dự án: Trụ sở công an xã Dồm Cang				
3	Thu hồi đất thực hiện dự án: Nâng cấp đường giao thông Nà Ấn – Huổi Pá, xã Mường Lạn				
4	Thu hồi đất thực hiện dự án: Nâng cấp tuyến đường từ cầu cứng đi bản Huổi Niêng, xã Mường Và				
5	Thu hồi đất thực hiện dự án: Đường giao thông từ bản Tông Hùm đến Huổi Pót xã Mường Và				
6	Thu hồi đất thực hiện dự án: Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích Tháp Mường Và, huyện Sốp Cộp				
7	Hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân				
8	Hồ sơ chỉnh lý biến động đất đai hộ gia đình, cá nhân				
9	Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất				
10	Hồ sơ thống kê đất đai năm 2023				
11	Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2024				
B	Hồ sơ môi trường				
1	Giấy phép môi trường: Nhà máy nước Sốp Cộp				
2	Giấy phép môi trường: Nhà bán trú trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Nà Khoang				
C	Hồ sơ thanh kiểm tra về tài nguyên môi trường				
1	Hồ sơ thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất công ích (5%) việc sử dụng nguồn thu từ việc cho thuê khoán đất công ích của UBND xã Nậm Lạnh				

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng tờ	Thời gian hoàn thành tài liệu
2	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra công tác quản lý đất đai đối với UBND xã Sốp Cộp				
3	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra công tác quản lý đất đai đối với UBND xã Dømm Càng				
4	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra công tác quản lý đất đai đối với UBND xã Mường Và				
5	Hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai giữa cộng đồng bản Kéo Vai và 02 hộ gia đình bản Púng Tòng, xã Nậm Lạnh				
6	Hồ sơ giải quyết đơn đề nghị của công dân ông Sộng Nỏ Tra, Thào A Thụ, bà Giàng Thị Mỹ, bản Púng Bánh và ông Sộng A Sua, bản Sam Kha, xã Sam Kha, huyện Sốp Cộp				
7	Hồ sơ giải quyết đơn đề nghị của công dân ông Sộng A Sua, bản Sam Kha, xã Sam Kha, huyện Sốp Cộp				
D	Hồ sơ khác				
1	Hồ sơ giải phóng mặt bằng trụ sở Công an xã Dømm Càng				
2	Hồ sơ giải phóng mặt bằng nâng cấp đường giao thông Nà Ẩn – Huổi Pá, xã Mường Lạn				
IX	Huyện Thuận Châu			2	940/BC-UBND ngày 5/9/2024
1	Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Châu và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thuận Châu				
X	Huyện Vân Hồ			24	908/BC-UBND ngày 28/9/2024
1	Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024				
2	Hồ sơ thu hồi đất của dự án Đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Sơn La (Công an xã Tô Múa)				
3	Hồ sơ Thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức				

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng tờ	Thời gian hoàn thành tài liệu
	năng của Bộ Công an tại Vân Hồ (Sơn La) giai đoạn 1 (đợt 5)				
4	Hồ sơ Thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức năng của Bộ Công an tại Vân Hồ (Sơn La) giai đoạn 1 (đợt 4)				
5	Hồ sơ Thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình Thoát lũ Suối Hoa, huyện Vân Hồ (đoạn qua Bệnh viện đa khoa huyện Vân Hồ)				
6	Hồ sơ Thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông kết nối điểm du lịch rừng sinh thái bản Pa Cốp, xã Vân Hồ với trung tâm xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La (Đợt 3)				
7	Hồ sơ Thu hồi đất để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (Trường hợp tự nguyện trả lại đất)				
XI	Huyện Yên Châu			12	913/BC-UBND ngày 18/9/2024
1	Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Yên Châu				
2	Báo cáo thống kê đất đai năm 2023				
3	Hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất một số khu đất trên địa bàn huyện Yên Châu, đợt 1 năm 2024				
XII	Thành phố Sơn La			44	3171/BC-UBND ngày 8/10/2024
A	Thông tin, dữ liệu lĩnh vực đất đai				
1	Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Sơn La				
2	Báo cáo thống kê đất đai năm 2023				
3	Hồ sơ thu hồi đất thực hiện các dự án năm 2024				
3.1	Dự án Nút giao đường ngõ tổ 01, phường Chiềng Lề (cạnh Kho bạc Nhà nước tỉnh) đầu nối vào lô số 5, Kè suối Nậm La				
3.2	Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước bản Mòng, xã Hua La				

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng tờ	Thời gian hoàn thành tài liệu
4	Hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất thành phố Sơn La năm 2024				
B	Thông tin, dữ liệu lĩnh vực môi trường				
5	Hồ sơ cấp giấy phép môi trường năm 2024				
5.1	Cấp giấy phép môi trường dự án Trường Tiểu học và THCS Chiềng Xôm				
5.2	Cấp GPMT cho cơ sở "Xưởng chế biến cà phê tại bản Hoàng Văn Thụ, xã Hua La, TP Sơn La" của HTX cà phê Bích Thao Sơn La				
5.3	Cấp giấy phép môi trường dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy nước Bản Mòng và tuyến ống nước thô, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Giai đoạn 1)				
5.4	Cấp GPMT cho cơ sở "Trạm Viện 6 thuộc Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2" của Công ty CP cấp nước Sơn La.				
5.5	Cấp GPMT cho cơ sở "Trạm Km7 thuộc Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2" của Công ty CP cấp nước Sơn La				
5.6	Cấp GPMT cho cơ sở "Trạm Chiềng Sinh thuộc Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2" của Công ty CP cấp nước Sơn La				
5.7	Cấp GPMT cho cơ sở "Trạm Km10 thuộc Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2" của Công ty CP cấp nước Sơn La				
5.8	Cấp GPMT cho Dự án "Đầu tư xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học Quyết Tâm"				
5.5	Cấp GPMT cho Dự án "Đầu tư xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Chiềng Sinh"				
5.10	Cấp GPMT cho dự án Nâng cấp cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ của Công ty cổ phần thương mại ô tô Tây Bắc				

STT	Tên dữ liệu	Dạng dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng tờ	Thời gian hoàn thành tài liệu
5.11	Cấp GPMT cho Dự án Đầu tư khai thác đất sét làm vật liệu sản xuất gạch nung tại bản Hẹ, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La				
5.12	Cấp GPMT cho dự án “Đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng hệ thống thực hành tích hợp - Trường Cao đẳng Sơn La”.				

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2524/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 399/TTr-SXD ngày 16 tháng 11 năm 2024, Báo cáo số 681/BC-SXD ngày 15 tháng 11 năm 2024; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 571/BC-VPUB ngày 25 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La với các nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

2. Đơn giá nhân công xây dựng công bố tại Quyết định này (Bao gồm nhân công xây dựng và nhân công khác) để xác định và quản lý chi phí đầu tư

xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 2. Xử lý chuyển tiếp

1. Tổng mức đầu tư xây dựng đã thẩm định hoặc phê duyệt thì không phải thẩm định hoặc phê duyệt lại. Chủ đầu tư tổ chức xác định dự toán xây dựng theo các phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng được ban hành, công bố theo quy định;

2. Dự toán xây dựng đã thẩm định hoặc phê duyệt thì không phải thẩm định hoặc phê duyệt lại;

3. Các gói thầu chưa phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày đơn giá nhân công được ban hành, công bố và có hiệu lực: chủ đầu tư tự thực hiện việc cập nhật dự toán gói thầu để xác định lại giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, làm cơ sở lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Các gói thầu đã phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng chưa đóng thầu thì chủ đầu tư xem xét, quyết định việc cập nhật dự toán gói thầu để xác định lại giá gói thầu làm cơ sở lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp Luật về đấu thầu. Trường hợp đã đóng thầu, thực hiện theo nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không phải cập nhật lại giá gói thầu.

5. Trường hợp cần thiết, người quyết định đầu tư, chủ đầu tư quyết định việc cập nhật, thẩm định, phê duyệt lại tổng mức đầu tư xây dựng tại khoản 1 Điều này; dự toán xây dựng tại khoản 2 Điều này theo thẩm quyền.

6. Trường hợp cập nhật, xác định lại tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, giá gói thầu xây dựng quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này làm vượt tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng đã phê duyệt, thì việc thẩm định, phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh, dự toán xây dựng điều chỉnh thực hiện theo quy định.

7. Các gói thầu đã ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh: Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc phản ánh qua Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện, hoặc xem xét, giải quyết những nội dung thuộc thẩm quyền.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo, tham mưu đề xuất với UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc đối với những nội dung vượt thẩm quyền hoặc kiến nghị với Bộ Xây dựng xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành của tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố;

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

Phụ lục
ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhân công	Nhóm	Cấp bậc	Hệ số cấp bậc	Đơn vị tính	Đơn giá công nhân xây dựng (đồng)	
						Khu vực 3 thành phố Sơn La	Khu vực 4 (các huyện)
						Vùng III	Vùng IV
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Nhóm nhân công xây dựng						
1	Nhóm I						
	Nhân công 1,0/7 nhóm I	I	1,0/7	1	Công	153.947	144.737
	Nhân công 2,0/7 nhóm I	I	2,0/7	1,18	Công	181.658	170.789
	Nhân công 3,0/7 nhóm I	I	3,0/7	1,39	Công	213.987	201.184
	Nhân công 3,5/7 nhóm I	I	3,5/7	1,52	Công	234.000	220.000
	Nhân công 4,0/7 nhóm I	I	4,0/7	1,65	Công	254.013	238.816
	Nhân công 5,0/7 nhóm I	I	5,0/7	1,94	Công	298.658	280.789
	Nhân công 6,0/7 nhóm I	I	6,0/7	2,3	Công	354.079	332.895
	Nhân công 7,0/7 nhóm I	I	7,0/7	2,71	Công	417.197	392.237
II	Nhóm II						
	Nhân công 1,0/7 nhóm II	II	1,0/7	1	Công	180.263	172.368
	Nhân công 2,0/7 nhóm II	II	2,0/7	1,18	Công	212.711	203.395
	Nhân công 3,0/7 nhóm II	II	3,0/7	1,39	Công	250.566	239.592
	Nhân công 3,5/7 nhóm II	II	3,5/7	1,52	Công	274.000	262.000
	Nhân công 4,0/7 nhóm II	II	4,0/7	1,65	Công	297.434	284.408
	Nhân công 5,0/7 nhóm II	II	5,0/7	1,94	Công	349.711	334.395
	Nhân công 6,0/7 nhóm II	II	6,0/7	2,3	Công	414.605	396.447
	Nhân công 7,0/7 nhóm II	II	7,0/7	2,71	Công	488.513	467.118
II	Nhóm III						
	Nhân công 1,0/7 nhóm III	III	1,0/7	1	Công	184.539	177.303
	Nhân công 2,0/7 nhóm III	III	2,0/7	1,18	Công	217.757	209.217

TT	Tên nhân công	Nhóm	Cấp bậc	Hệ số cấp bậc	Đơn vị tính	Đơn giá công nhân xây dựng (đồng)	
						Khu vực 3 thành phố Sơn La	Khu vực 4 (các huyện)
						Vùng III	Vùng IV
	Nhân công 3,0/7 nhóm III	III	3,0/7	1,39	Công	256.510	246.451
	Nhân công 3,5/7 nhóm III	III	3,5/7	1,52	Công	280.500	269.500
	Nhân công 4,0/7 nhóm III	III	4,0/7	1,65	Công	304.490	292.549
	Nhân công 5,0/7 nhóm III	III	5,0/7	1,94	Công	358.007	343.967
	Nhân công 6,0/7 nhóm III	III	6,0/7	2,3	Công	424.441	407.796
	Nhân công 7,0/7 nhóm III	III	7,0/7	2,71	Công	500.102	480.490
4	Nhóm IV						
	Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng						
	Nhân công 1,0/7 nhóm IV	IV	1,0/7	1	Công	186.513	180.921
	Nhân công 2,0/7 nhóm IV	IV	2,0/7	1,18	Công	220.086	213.487
	Nhân công 3,0/7 nhóm IV	IV	3,0/7	1,39	Công	259.253	251.480
	Nhân công 3,5/7 nhóm IV	IV	3,5/7	1,52	Công	283.500	275.000
	Nhân công 4,0/7 nhóm IV	IV	4,0/7	1,65	Công	307.747	298.520
	Nhân công 5,0/7 nhóm IV	IV	5,0/7	1,94	Công	361.836	350.987
	Nhân công 6,0/7 nhóm IV	IV	6,0/7	2,3	Công	428.980	416.118
	Nhân công 7,0/7 nhóm IV	IV	7,0/7	2,71	Công	505.451	490.296
	Nhóm lái xe các loại						
	Lái xe bậc 1/4 nhóm IV	IV	1,0/4	1	Công	240.254	233.051
	Lái xe bậc 2/4 nhóm IV	IV	2,0/4	1,18	Công	283.500	275.000
	Lái xe bậc 3/4 nhóm IV	IV	3,0/4	1,4	Công	336.356	326.271
	Lái xe bậc 4/4 nhóm IV	IV	4,0/4	1,65	Công	396.419	384.534
II	Nhóm nhân công khác						
2.1	Vận hành tàu, thuyền						
2.1.1	Thuyền trưởng, thuyền phó						

TT	Tên nhân công	Nhóm	Cấp bậc	Hệ số cấp bậc	Đơn vị tính	Đơn giá công nhân xây dựng (đồng)	
						Khu vực 3 thành phố Sơn La	Khu vực 4 (các huyện)
						Vùng III	Vùng IV
	Thuyền trưởng, phó bậc 1/2		1,0/2	1	Công	417.561	397.073
	Thuyền trưởng, phó bậc 1,5/2		1,5/2	1,025	Công	428.000	407.000
	Thuyền trưởng, phó bậc 2/2		2,0/2	1,05	Công	438.439	416.927
2.1.2	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện						
	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện bậc 1/4		1,0/4	1	Công	288.496	274.336
	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện bậc 2/4		2,0/4	1,13	Công	326.000	310.000
	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện bậc 3/4		3,0/4	1,3	Công	375.044	356.637
	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện bậc 4/4		4,0/4	1,47	Công	424.088	4.3.274
2.1.3	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông						
	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông bậc 1/2		1,0/2	1	Công	355.340	337.864
	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông bậc 1,5/2		1,5/2	1,03	Công	366.000	348.000
	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông bậc 2/2		2,0/2	1,06	Công	376.660	358.136
2.2	Thợ lặn						
	Thợ lặn bậc 1/4		1,0/4	1	Công	520.909	495.455

TT	Tên nhân công	Nhóm	Cấp bậc	Hệ số cấp bậc	Đơn vị tính	Đơn giá công nhân xây dựng (đồng)	
						Khu vực 3 thành phố Sơn La	Khu vực 4 (các huyện)
						Vùng III	Vùng IV
	Thợ lặn bậc 2/4		2,0/4	1,1	Công	573.000	545.00
	Thợ lặn bậc 3/4		3,0/4	1,24	Công	645.925	614.364
	Thợ lặn bậc 4/4		4,0/4	1,39	Công	724.064	688.682
2.3	Kỹ sư						
	Kỹ sư bậc 1,08		1,0/8	1	Công	214.286	206.429
	Kỹ sư bậc 2,08		2,0/8	1,13	Công	242.143	233.264
	Kỹ sư bậc 3,08		3,0/8	1,26	Công	270.000	260.100
	Kỹ sư bậc 4,08		4,0/8	1,4	Công	300.000	289.000
	Kỹ sư bậc 5,08		5,0/8	1,53	Công	327.857	315.836
	Kỹ sư bậc 6,08		6,0/8	1,66	Công	355.714	342.671
	Kỹ sư bậc 7,08		7,0/8	1,79	Công	383.571	369.507
	Kỹ sư bậc 8,08		8,0/8	1,93	Công	413.571	398.407
2.4	Nghệ nhân						
	Nghệ nhân bậc 1/2		1,0/2	1	Công	506.731	482.692
	Kỹ sư bậc 1,5/2		1,5/2	1,04	Công	527.000	502.000
	Kỹ sư bậc 2/2		2,0/2	1,08	Công	547.269	521.308

Ghi chú:

Khu vực theo quy định tại Phụ lục số 1 của Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ

DANH MỤC NHÓM CÔNG NHÂN XÂY DỰNG

STT	NHÓM CÔNG NHÂN XÂY DỰNG	CÔNG VIỆC
I	NHÓM CÔNG NHÂN XÂY DỰNG	
1	Nhóm I	- Phát cây, phá dỡ công trình, tháo dỡ kết cấu công trình, bộ phận máy móc, thiết bị công trình; - Công tác trồng cỏ các loại; - Công tác bốc xếp, vận chuyển vật tư, vật liệu, phụ kiện, cấu kiện xây dựng, phế thải xây dựng các loại; - Công tác đào, đắp, phá, bốc xúc, san, ủi, bơm, nạo vét, xói hút: bùn, đất, cát, đá, sỏi các loại, phế thải; - Công tác đóng gói vật liệu rời;
2	Nhóm II	Các công tác xây dựng khác không thuộc nhóm I, nhóm III, nhóm IV
3	Nhóm III	Công tác lắp đặt, sửa chữa máy và thiết bị công trình xây dựng, công nghệ xây dựng
4	Nhóm IV	Công tác vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng, lái xe các loại
II	NHÓM NHÂN CÔNG KHÁC	
2.1	Vận hành, tàu, thuyền	Công tác vận hành tàu, thuyền: Thuyền trưởng, thuyền phó, Thủy thủ, thợ máy, thợ điện, máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II
2.2	Thợ lặn	Công tác lặn để thực hiện một số công việc dưới nước trong thi công xây dựng.
2.3	Kỹ sư	Trực tiếp thực hiện các công việc khảo sát, thí nghiệm
2.4	Nghệ nhân	Công tác chế tác đồ gỗ mỹ nghệ; chế tác đồ đá mỹ nghệ; chế tác tượng, biểu tượng

Ghi chú:

Đối với công tác xây dựng thuộc một số các công trình chuyên ngành, đặc thù thì thực hiện theo hướng dẫn, quy định của ngành.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2531/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ "Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận cho 2 sản phẩm "Thịt trâu Sơn La" và "Thịt bò Sơn La" của tỉnh Sơn La" thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 và đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Công văn số 6054-CV/TU ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2106/TTr-SKHCN ngày 24 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ "Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận cho 2 sản phẩm "Thịt trâu Sơn La" và "Thịt bò Sơn La" của tỉnh Sơn La" thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 và đến năm 2030.

(có Phụ lục nội dung chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện các bước tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Luật khoa học và công nghệ; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Khoa học và công nghệ; Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

Phụ lục
NỘI DUNG ĐẠT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH BỔ SUNG
THỰC HIỆN TỪ NĂM 2024 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số 2531/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Nội dung	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian dự kiến (Năm bắt đầu - Năm kết thúc)	Phương thức tổ chức thực hiện	Cơ quan, đơn vị đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)
1	Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận cho 2 sản phẩm "Thịt trâu Sơn La" và "Thịt bò Sơn La" của tỉnh Sơn La	- Đăng ký bảo hộ thành công nhãn hiệu chứng nhận cho 2 sản phẩm thịt trâu, thịt bò của tỉnh Sơn La và được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp văn bằng bảo hộ. - Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý nhãn hiệu chứng nhận của 2 sản phẩm thịt trâu, thịt bò của tỉnh Sơn La	Nội dung 1: Xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận cho 02 sản phẩm "thịt trâu Sơn La" và "Thịt bò Sơn La" theo các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ Nội dung 2: Xây dựng văn bản quản lý và tổ chức hệ thống quản lý sau khi được cấp văn bằng bảo hộ Nội dung 3: Xây dựng hệ thống các công cụ quảng bá, giới thiệu sản phẩm. Nội dung 4: Nâng cao năng lực cho người dân, cán bộ và người	- Báo cáo đánh giá hiện trạng sản xuất, kinh doanh sản phẩm thịt trâu, bò trên địa bàn tỉnh Sơn La. - Hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu đảm bảo các thành phần theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận; văn bằng bảo hộ nhãn hiệu được cấp. - Hệ thống các văn bản, công cụ quản lý NHCN được cơ quan có thẩm quyền ban hành và áp dụng trên thực tế. - Hệ thống nhận diện và các	2025 - 2026	Tuyển chọn	Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Nội dung	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian dự kiến (Năm bắt đầu - Năm kết thúc)	Phương thức tổ chức thực hiện	Cơ quan, đơn vị đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)
		đồng thời thiết lập, vận hành thử nghiệm thành công mô hình quản lý và phát triển sản phẩm mang NHCN gắn với truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng sản phẩm.	dân trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang NHCN	công cụ phục vụ truyền thông quảng bá, giới thiệu sản phẩm được áp dụng trên thực tế. - Vận hành mô hình quản lý NHCN; theo dõi, báo cáo đánh giá kết quả vận hành mô hình quản lý NHCN. - Các báo cáo chuyên đề; báo cáo tóm tắt, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ.			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2535/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp quản lý
khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Sơn La**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 394/TTr-SXD ngày 15 tháng 11 năm 2024, Báo cáo số 670/BC-SXD ngày 13 tháng 11 năm 2024, Báo cáo số 711/BC-SXD ngày 26 tháng 11 năm 2024; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 568/BC-VPUB ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Sơn La (có Quy chế kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số 2531/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa đơn vị được giao quản lý khu vực phát triển đô thị (gồm Sở Xây dựng, UBND các huyện, thành phố, Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh Sơn La) với các sở, ban, ngành khác thuộc UBND tỉnh (dưới đây gọi chung là các sở, ban, ngành cấp tỉnh) trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về khu vực phát triển đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ngành của tỉnh, Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh Sơn La và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp quản lý khu vực phát triển đô thị

1. Việc phối hợp quản lý phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khách quan, không trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo yêu cầu chuyên môn, chất lượng, tuân thủ thời gian trong quá trình phối hợp; đảm bảo tính chặt chẽ, kịp thời và hiệu quả; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về nội dung phối hợp.

2. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp (nếu có) phải được bàn bạc, giải quyết theo đúng quy định. Đối với những vấn đề chưa thống nhất hoặc vượt quá thẩm quyền thì các cơ quan liên quan có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất hướng giải quyết và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Xác định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đối với các nhiệm vụ cụ thể quản lý khu vực phát triển đô thị.

Điều 4. Phương thức phối hợp

Việc phối hợp giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được thực hiện theo các phương thức: Lấy ý kiến bằng văn bản hoặc gửi hồ sơ đề nghị cơ quan phối hợp tham gia ý kiến; Tổ chức họp, hội nghị; tham gia trực tiếp và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nội dung và lĩnh vực phối hợp quản lý

Công tác phối hợp để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khu vực phát triển đô thị theo nhiệm vụ quản lý được quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Đơn vị được giao quản lý khu vực phát triển đô thị

1. Sở Xây dựng quản lý khu vực phát triển đô thị trên địa bàn từ 02 huyện, thành phố trở lên.
2. UBND cấp huyện, thành phố Sơn La quản lý khu vực phát triển đô thị trên địa bàn quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm chung của các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Xây dựng, các sở chuyên ngành có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và thanh tra, kiểm tra các hoạt động của UBND các huyện, thành phố Sơn La, Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh Sơn La trong phạm vi các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.
2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm chỉ đạo, đơn đốc, phối hợp với các đơn vị được giao quản lý khu vực phát triển đô thị trong quá trình triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
3. UBND các huyện, thành phố Sơn La, Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh Sơn La có trách nhiệm báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất với Sở Xây dựng về tình hình thực hiện khu vực phát triển đô thị, tình hình triển khai các dự án đầu tư được giao quản lý; báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất với các Sở quản lý chuyên ngành về các lĩnh vực hoạt động của đơn vị thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở.

Điều 8. Phối hợp trong hoạt động xúc tiến đầu tư trong khu vực phát triển đô thị; nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi, cơ chế đặc thù áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng trong khu vực phát triển đô thị

1. Các sở, ban, ngành có liên quan, Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh Sơn La, UBND các huyện, thành phố và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La phối hợp thực hiện.
 - a) Giới thiệu, cung cấp thông tin về tiềm năng, thế mạnh, thông tin về kinh tế - xã hội của tỉnh, chính sách về thu hút đầu tư của tỉnh Sơn La để phục vụ cho công tác xúc tiến và kêu gọi đầu tư vào trong khu vực phát triển đô thị.
 - b) Nghiên cứu, tham mưu đề xuất trình UBND tỉnh phê duyệt ban hành các cơ chế chính sách ưu đãi có liên quan đến xúc tiến đầu tư.

c) Cung cấp thông tin, tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư đối với khu vực phát triển đô thị; giới thiệu, hỗ trợ các nhà đầu tư lựa chọn, tìm kiếm cơ hội đầu tư.

d) Công khai, đăng tải các tài liệu, giới thiệu các khu vực phát triển đô thị và các thông tin có liên quan đến dự án đầu tư phát triển đô thị cho Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ đầu tư cập nhật và dịch sang nhiều thứ tiếng khác nhau phục vụ cho công tác quảng bá, kêu gọi đầu tư.

e) Các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước.

2. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thực hiện các hoạt động quảng bá, xây dựng hình ảnh về môi trường đầu tư, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh nói chung và khu vực phát triển đô thị nói riêng.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố làm việc với các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu môi trường đầu tư, cơ hội đầu tư.

3. Các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các đơn vị có liên quan phối hợp với cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến lĩnh vực quản lý phục vụ công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư, phục vụ việc lập danh mục dự án đầu tư, thực hiện đầu tư của các nhà đầu tư theo đề nghị của Ban.

Điều 9. Phối hợp trong đề xuất các dự án đầu tư theo các nguồn vốn để thực hiện khu vực phát triển đô thị

1. UBND các huyện, thành phố, Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh Sơn La chủ trì, phối hợp với các sở, ngành xây dựng kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị trên địa bàn quản lý, bao gồm việc đề xuất danh mục, nguồn vốn và lộ trình thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị trong khu vực phát triển đô thị trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Các đơn vị cung cấp nước sạch, Công ty Điện lực Sơn La, các doanh nghiệp viễn thông (*Viễn thông Sơn La, Viettel Sơn La, FPT Sơn La...*) phối hợp với UBND các huyện, thành phố, Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh Sơn La trong đề xuất xác định các dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật liên quan (*cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc,...*) trong khu vực phát triển đô thị thuộc địa bàn được giao thực hiện dịch vụ cấp điện, cung cấp nước sạch.

3. Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh Sơn La đề xuất các dự án phát triển đô thị gửi UBND các huyện, thành phố nơi thực hiện dự án xem xét, trình Sở Kế hoạch và Đầu tư (đơn vị chủ trì thẩm định) để thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê quyết định; phối hợp

hướng dẫn các đơn vị lập đề xuất chủ trương đầu tư dự án trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án đầu tư phát triển đô thị.

Điều 10. Phối hợp tổ chức quản lý đối với dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trong khu vực phát triển đô thị

1. Đơn vị được giao quản lý khu vực phát triển đô thị đề xuất dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên cơ sở danh mục dự án theo Chương trình phát triển đô thị được duyệt, Kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị được phê duyệt, đảm bảo hiệu quả đầu tư và đồng bộ trong khu vực phát triển đô thị.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan trong thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định.

3. UBND cấp huyện, thành phố và UBND cấp xã tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền, lấy ý kiến của Sở Xây dựng và cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan làm cơ sở xem xét, quyết định.

4. Việc thẩm định dự án, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết và dự toán thực hiện theo các quy định hiện hành theo cấp quản lý dự án.

Điều 11. Phối hợp theo dõi giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện

1. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, giám sát, kiểm tra việc thực hiện dự án đầu tư theo Chương trình phát triển đô thị đã được chấp thuận, phê duyệt trong phạm vi lĩnh vực quản lý được phân công.

2. Các đơn vị được giao theo dõi, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị đảm bảo đúng theo quy hoạch, kế hoạch, tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt; tổng hợp, đề xuất và phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

Điều 12. Phối hợp trong quản lý kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng kỹ thuật giữa các dự án, các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện

1. UBND các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị cung cấp dịch vụ, chủ đầu tư dự án xây dựng kế hoạch, phân công trách nhiệm tiếp nhận, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trong khu vực phát triển đô thị, đảm bảo sự kết nối đồng bộ và quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

2. UBND các huyện, thành phố, Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo, đề xuất các sở, ngành chuyên môn xử lý các vấn đề về kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng kỹ thuật giữa các dự án, các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư tại khu vực phát triển đô thị.

Điều 13. Phối hợp trong xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin về khu vực phát triển đô thị; tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư

1. UBND các huyện, thành phố, Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh Sơn La chủ trì tổng hợp thông tin, dữ liệu về khu vực phát triển đô thị trên địa bàn quản lý theo quy định hiện hành; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Xây dựng để tổng hợp*) và Bộ Xây dựng tình hình thực hiện các dự án đầu tư và thực hiện kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị.

2. Sở Xây dựng rà soát, nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về khu vực phát triển đô thị; phân cấp cho UBND các huyện, thành phố và Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh Sơn La tổng hợp thông tin, dữ liệu về khu vực phát triển đô thị trên địa bàn quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung phối hợp theo Quy chế này và các quy định khác theo chức năng, nhiệm vụ quản lý. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh cần phải sửa đổi hoặc điều chỉnh cho phù hợp thực tế quản lý, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo, tham mưu với UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2542/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch 251/KH-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La về ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Sơn La năm 2024 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 143/TTr-STTTT ngày 21 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định ban hành kế hoạch cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả; định kỳ hàng quý, năm báo cáo kết quả về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo Cải

cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tỉnh Sơn La.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổng hợp, báo tình hình thực hiện Kế hoạch với UBND tỉnh để có giải pháp chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh)

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025;
- Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Sơn La năm 2024 - 2025;
- Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Hoàn thành các mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử, thúc đẩy quá trình phát triển đô thị thông minh; phấn đấu vị trí xếp hạng chuyển đổi số (DTI) của tỉnh đạt mức khá trong các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.
- Tập trung huy động nguồn lực đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh một cách toàn diện, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó tập trung vào phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; số hóa dữ liệu dân cư, dữ liệu chuyên ngành; đào tạo phát triển nguồn nhân lực số; ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng dùng chung hạ tầng số, nền tảng số; cung cấp thông tin cho người dân, quản lý dân cư, phục vụ người dân và doanh nghiệp.
- Xác định rõ và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, coi đây nhiệm vụ trọng tâm, là giải pháp quan trọng để triển khai thực hiện nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan đơn vị là một trong tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của năm.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Nâng cao vai trò hoạt động của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia tỉnh Sơn La (*Ban chỉ đạo 1168*) và Ban Chỉ đạo của các sở, ngành, địa phương; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số ở các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của cơ quan, đơn vị mình gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của tỉnh.

- Các cấp, các ngành tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về các chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo phương châm: Nhận thức đóng vai trò quyết định; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; nền tảng số là đột phá; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin là then chốt; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công trong chuyển đổi số.

- Xác định chuyển đổi số là “động lực” quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và có tính động, tính mở để phù hợp, đúng với định hướng, chỉ đạo của Trung ương trong từng giai đoạn phát triển; là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành và địa phương.

- Kiểm tra, giám sát của các cấp chính quyền đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về chương trình chuyển đổi số.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai chuyển đổi số từ tỉnh đến cơ sở để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Nghiên cứu, đề xuất trình HĐND tỉnh xem xét về cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số của tỉnh một cách toàn diện (*hỗ trợ hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng; hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn về chuyển đổi số..*).

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc đến năm 2030” theo Quyết định số 1087/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hạ tầng số

- Phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G) trên phạm vi toàn tỉnh; phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) đáp ứng được yêu cầu của các lĩnh vực giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị,...

- Phát triển hạ tầng công nghệ số, ưu tiên công nghệ AI, blockchain, IoT, đáp ứng yêu cầu ứng dụng chính phủ số, phát triển đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số.

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Tập trung huy động nguồn lực, lồng ghép các chương trình dự án, các nguồn vốn để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Thực hiện rà soát, xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động; rà soát, có kế hoạch phát triển mạng băng rộng cố định đến các bản chưa kết nối cáp quang.

- Triển khai Trung tâm dữ liệu tập trung để hình thành kho dữ liệu số tỉnh Sơn La.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động; thiết lập hệ thống đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, xây dựng bảng thông tin, cụm thông tin điện tử điện tử phục vụ tuyên truyền thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Đầu tư trang thiết bị CNTT, các phương tiện khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

4. Nhân lực số

- Hợp tác với các trường đại học, cao đẳng để đào tạo nhân lực số trong dài hạn; đồng thời tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, thông qua hình thức trực tuyến để bồi dưỡng thêm kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

- Phối hợp triển khai, tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức nhằm nâng cao kỹ năng về chuyển đổi số.

- Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin, phổ biến các văn bản quản lý Nhà nước về chuyển đổi số cho cán bộ chuyên trách chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các Tổ chuyển đổi số cộng đồng.

5. Phát triển dữ liệu số

- Ưu tiên duy trì, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của nền tảng số dùng chung của tỉnh bao gồm:

+ Duy trì nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh; rà soát, chuẩn hóa phân kết nối các hệ thống thông tin dùng chung và chuyên ngành để kết nối qua trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

+ Từng bước nâng cấp, mở rộng nền tảng Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) tỉnh Sơn La để tích hợp các nền tảng số, hệ thống thông tin của tỉnh (*Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý Nhà nước; Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC)...*).

+ Thực hiện cập nhật và khai thác hiệu quả các nền tảng, cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, Nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCS)...

+ Duy trì triển khai đồng bộ các nền tảng số và hạ tầng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời phát triển, cập nhật các chức năng, tính năng kỹ thuật theo yêu cầu của Chính phủ bảo đảm yêu cầu hiện đại hóa, cải cách hành chính và triển khai đề án 06/CP.

+ Duy trì và phát triển Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La tại địa chỉ <https://data.sonla.gov.vn>.

+ Các sở: Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phục vụ quản lý, chỉ đạo của ngành, đồng thời tích hợp chia sẻ dữ liệu với Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

- Triển khai cơ sở dữ liệu về cán bộ công chức viên chức tỉnh Sơn La.

- Thực hiện cập nhật, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai trên địa bàn tỉnh Sơn La; hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Triển khai xây dựng tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào các ứng dụng dùng chung của tỉnh Sơn La như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống phần mềm quản lý văn bản để nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Triển khai xây dựng, thử nghiệm trợ lý ảo cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Sử dụng hiệu quả, thực hiện kết nối với các nền tảng số quy mô quốc gia như tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia, định danh và xác thực điện tử quốc gia, thanh toán điện tử; giám sát, điều hành an toàn an ninh mạng; các nền tảng chuyên ngành...

6. An toàn thông tin mạng

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin theo Kế hoạch 261/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025.

- Thực hiện rà soát các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh để thực hiện phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

- Duy trì và mở rộng Hệ thống phần mềm phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung cho trên 7.000 máy trạm của cán bộ, công chức, viên chức ở các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp, các xã, phường, thị trấn.

- Duy trì Hệ thống Giám sát an ninh mạng, quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Duy trì thực hiện rà quét, giám sát các Trang thông tin điện tử, mạng Internet và mạng xã hội.

7. Chính quyền số

a) Phát triển ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Duy trì, triển khai có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình, đặc biệt tại cấp xã.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, rút ngắn thời gian tiếp nhận và giải quyết TTHC, đẩy mạnh triển khai thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt.

- Trang bị các trang thiết bị CNTT cần thiết cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại các xã, phường, thị trấn của tỉnh đáp ứng yêu cầu triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Triển khai các Hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành phù hợp với các điều kiện thực tế của tỉnh như: Hệ thống thông tin hỗ trợ thu thập và tính toán các chỉ số chuyển đổi số; Phần mềm quản lý, lập kế hoạch thanh tra và xử lý chồng chéo thanh tra sử dụng cho các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố; Hệ thống đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 THPT tỉnh Sơn La.

- Tăng cường cung cấp thông tin chính xác, rõ ràng trên Cổng, Trang thông tin điện tử của cơ quan hành chính Nhà nước phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

b) Phát triển các hệ thống phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các Hệ thống dùng chung của tỉnh như: Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến 3 cấp từ tỉnh đến huyện, xã; Hệ thống truyền hình trực tuyến phiên tòa; Hệ thống Cổng Thông tin điện tử; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh;... đảm bảo các ứng dụng hoạt động ổn định, được khai thác thường xuyên, liên tục, phục vụ hiệu quả cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

- Xây dựng, triển khai các Hệ thống: Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống thông tin phục vụ họp (*eCabinet*).

- Triển khai Hệ thống xác thực tập trung cho các Hệ thống thông tin phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Sơn La.

c) Số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính

- Số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng từ bản giấy sang bản điện tử để lưu trữ, bảo quản lâu dài phục vụ cho việc tra cứu, tiếp cận, chia sẻ các thông tin về hồ sơ giải quyết TTHC trong các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng 90%, 80%, 60%; để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 25, khoản 3 Điều 27 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Duy trì, cập nhật triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân giải quyết thủ tục hành chính để làm cơ sở số hóa và tái sử dụng toàn bộ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

d) Triển khai Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh

- Tổ chức thực hiện khai thác hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Sơn La, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo 1168 tỉnh.

- Tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu, phát triển mối quan hệ tương tác giữa Hệ thống giám sát, điều hành thông minh và các Hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành.

8. Kinh tế số và xã hội số

a) Kinh tế số

- Hỗ trợ, hướng dẫn triển khai phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực quan trọng như: Nông nghiệp, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Lao động, Công nghiệp và Thương mại, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Phát triển Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu của tỉnh, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Tập trung tổ chức triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 như: Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; Hỗ trợ thuế, kế toán; hỗ trợ tiếp cận tín dụng; hỗ trợ cung cấp giải pháp chuyển đổi số tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện: Tư vấn giải pháp chuyển đổi số về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, hộ kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng tham gia các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy quảng bá và tiêu thụ hàng hoá, nông sản đặc trưng và tiềm năng của tỉnh.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực: Quy hoạch đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tài nguyên và môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, giao thông vận tải và logistics, công nghiệp, năng lượng, nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, thông tin và truyền thông...

- Đẩy mạnh triển khai nền tảng số trong các lĩnh vực: Nông nghiệp và nông thôn, Y tế, Giáo dục, Lao động, việc làm và an sinh xã hội, Công nghiệp và năng lượng, Du lịch, Tài nguyên và môi trường, Quy hoạch đô thị, Giao thông vận tải và logistic, Tài chính - ngân hàng, Thông tin và truyền thông... phục vụ phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

b) Xã hội số

- Hỗ trợ, hướng dẫn triển khai chương trình dạy và học theo mô hình trường, lớp học thông minh. Chú trọng tập huấn, đào tạo kỹ năng số cho giáo viên và trang bị đủ thiết bị, phần mềm tại các trường học trên địa bàn tỉnh. Triển khai Học bạ số cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong chi trả chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng và người có công với cách mạng theo nhiều phương thức hiện đại, tiện lợi, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán hiện đại của nền kinh tế.

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ chuyên đổi số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế, xã hội.

- Triển khai phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân; Tích hợp tính năng ký số vào Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh; khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động; phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Các cấp, các ngành, các doanh nghiệp tăng cường, thường xuyên tuyên truyền về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức viên chức, người dân, người lao động về chủ trương của Đảng, Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị về chuyển đổi số.

- Việc tuyên truyền về chuyển đổi số cần linh hoạt, sáng tạo, đổi mới bằng nhiều hình thức, phương thức khác nhau, nội dung cần ngắn gọn, dễ hiểu, thiết thực với người dân, doanh nghiệp. Thông qua các hội nghị, hội thảo, hội thi, hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024; thông qua việc chia sẻ các sáng kiến, cách làm hay, mô hình điển hình hiệu quả về chuyển đổi số của cơ quan Nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân; thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn của Tổ chuyển đổi số cộng đồng.

- Đẩy mạnh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo, qua đó thường xuyên chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

(chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo)

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học.

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân.

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan Nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân...

2. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, nhân sự phụ trách nhiệm vụ chuyển đổi số từ tỉnh đến huyện, xã, cơ quan, đơn vị

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình. Quan tâm bố trí cán bộ phụ trách chuyển đổi số của cơ quan,

thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số.

- Kiện toàn, hỗ trợ hoạt động của Tổ chuyên đổi số cộng đồng. Huy động các tổ chức đoàn thể, đoàn thanh niên, các lực lượng vũ trang tham gia hỗ trợ Nhân dân trong việc tiếp cận nâng cao chuyển đổi số.

- Tăng cường tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức tại các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, xã về chuyển đổi số, kỹ năng số, kỹ năng phân tích dữ liệu và công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng.

3. Thu hút nguồn lực CNTT

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông.

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

4. Giải pháp về vốn

- Huy động các nguồn tài chính, lồng ghép các chương trình, dự án, đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số (*Vốn chương trình mục tiêu quốc gia; Nguồn vốn đầu tư công; Nguồn vốn sự nghiệp; Vốn của các doanh nghiệp*).

- Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển đổi số, các ứng dụng dùng chung của tỉnh theo dự toán đã được giao cho các cơ quan, đơn vị.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động bố trí kinh phí để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương, phù hợp chủ trương, định hướng của tỉnh.

- Huy động nguồn lực của các Tập đoàn viễn thông trên địa bàn để đẩy mạnh phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

5. Tăng cường hợp tác

Tổ chức các đoàn công tác đi học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu với UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo 1168 tỉnh thống nhất chỉ đạo triển khai các chương trình, dự án về chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính Nhà nước, các tổ chức đoàn thể chính trị của tỉnh để tránh chồng chéo, lãng phí.

- Chủ trì, tham mưu với Ban Chỉ đạo 1168 tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại một số cơ quan, đơn vị. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố, báo cáo UBND tỉnh để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh. Đánh giá hiệu quả các nền tảng để nhân rộng.

2. Sở Tài chính

Căn cứ tình hình ngân sách địa phương, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu với UBND tỉnh cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các dự án của Kế hoạch này.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố hoàn thiện vị trí việc làm, đăng ký chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý, chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số trình UBND tỉnh phê duyệt.

5. Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố, tổ chức chính trị - xã hội

- Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đã đặt ra. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị, địa phương, xây dựng hoặc bổ sung Kế hoạch chuyển đổi số đơn vị, địa phương mình đảm bảo phù hợp với Kế hoạch Chuyển đổi số của tỉnh, hoàn thành trong tháng 12/2024.

- Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo 1168 tỉnh; thực hiện tự kiểm tra, giám sát tình hình triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

- Chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch thuộc cơ quan, đơn vị, lĩnh vực quản lý; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo Kế hoạch.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp vị trí việc làm, phân công phù hợp cán bộ phụ trách chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng; rà soát, bổ sung quy chế làm việc về nhiệm vụ chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng; rà soát, bổ sung quy chế

chi tiêu nội bộ về mức hỗ trợ đối với cán bộ phụ trách chuyển đổi số, an toàn thông tin.

- Chủ trì, chỉ đạo các nội dung phát triển chính quyền số tại cơ quan, đơn vị; tăng cường thực hiện quản lý, điều hành thông qua môi trường điện tử; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến đối với các thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và các hoạt động giao dịch điện tử với người dân, doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT; chủ động triển khai các giải pháp tạo lập, số hóa, chuyển đổi, tích hợp các cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; chỉ đạo triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan, đơn vị; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo ngành dọc từ Trung ương tới các cấp trong tỉnh Sơn La.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả; đưa yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là một tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Khi đầu tư ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các sản phẩm phần mềm do bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp tỉnh đến Trung ương.

- Thực hiện việc lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước các cấp trong các chương trình, dự án, nhiệm vụ khoa học - công nghệ..., để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số. Khuyến khích việc huy động, khai thác các nguồn lực xã hội cho chuyển đổi số thông qua việc đầu tư của doanh nghiệp, Nhà nước thuê dịch vụ, hình thức hợp tác công - tư, từ quỹ phát triển sự nghiệp...

- UBND các huyện, thành phố chủ động bố trí chi ngân sách thường xuyên của cấp huyện, cấp xã để triển khai các ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh.

- Định kỳ hàng quý (*trước ngày 15 tháng cuối quý*) hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) các cơ quan, đơn vị báo cáo đánh giá, tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo 1168 tỉnh.

6. Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Thông tin và Truyền thông*) để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Phụ lục số 01
CÁC CHỈ TIÊU CHUYÊN ĐỀ SỐ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 2542/QĐ-UBND của UBND tỉnh)

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Đánh giá kết quả thực hiện đến năm 2024 so với mục tiêu đến năm 2025 tại Nghị quyết số 17-NQ/TU		
						Mục tiêu đến năm 2025	Kết quả thực hiện đến năm 2024	Đánh giá
I	Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động							
1	TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức DVCTT toàn trình và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Công dịch vụ công tỉnh với Công dịch vụ công quốc gia	100%	100%	100%	100%	100%	Đã hoàn thành chỉ tiêu	
2	DVCTT được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điện sản dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó	100%	100%	100%	100%	100%	Đã hoàn thành chỉ tiêu	
3	Người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền	72%	100%	100%	100%	100%	Đã hoàn thành chỉ tiêu	

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Đánh giá kết quả thực hiện đến năm 2024 so với mục tiêu đến năm 2025 tại Nghị quyết số 17-NQ/TU		
						Mục tiêu đến năm 2025	Kết quả thực hiện đến năm 2024	Đánh giá
4	Hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được tạo lập, xử lý, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu hoàn toàn dưới dạng điện tử trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	70%; 60%; 25%	90%, 80%, 75%	85%; 76%; 55%	90%; 80%; 75%	Trên 90%; 80%; 60%	85%; 76%; 55%	Ước thực hiện đến năm 2025 đạt trên 90%; 80%; 75%
5	Tỷ lệ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung	50%	70%	70%	100%	100%	70%	
6	Cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; mở dữ liệu của các cơ quan Nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội	35%	60%	60%	100%	100%	60%	Ước thực hiện đến năm 2025 đạt 100%
7	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	25%	40%	40%	50%	50%	40%	Ước thực hiện đến năm 2025 đạt 50%
8	Cơ quan Nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa	Các Sở, ban, ngành sử dụng	100%	20 cơ quan chuyên môn	100%	100%	20 cơ quan chuyên môn của tỉnh đã	Cơ bản hoàn thành

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Đánh giá kết quả thực hiện đến năm 2024 so với mục tiêu đến năm 2025 tại Nghị quyết số 17-NQ/TU		
						Mục tiêu đến năm 2025	Kết quả thực hiện đến năm 2024	Đánh giá
	hoạt động	nền tảng IOC tỉnh		của tỉnh đã triển khai dùng chung nền tảng IOC của tỉnh			triển khai dùng chung nền tảng IOC	
9	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	80,37%	100%	70,08%	100%	100%	70,08%	Ước thực hiện đến năm 2025 đạt 100%
10	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số	30,42%	50%	70,08%	80%	50%	70,08%	Đã hoàn thành vượt chỉ tiêu
11	Đầu tư xây dựng thí điểm mô hình đô thị thông minh	Chưa phê duyệt đề án (thành phố Sơn La; huyện Mộc Châu)	Phê duyệt đề án	Thí điểm tại thành phố Sơn La	Đầu tư xây dựng thí điểm mô hình đô thị thông minh tại thành phố Sơn La và huyện Mộc Châu	Thí điểm tại Thành phố Sơn La	Chưa hoàn thành	Chưa phê duyệt đề án (thành phố Sơn La; huyện Mộc Châu)

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Đánh giá kết quả thực hiện đến năm 2024 so với mục tiêu đến năm 2025 tại Nghị quyết số 17-NQ/TU		
					Mục tiêu đến năm 2025	Kết quả thực hiện đến năm 2024	Đánh giá	
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế							
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Chưa xác định được trong năm 2023	Căn cứ hướng dẫn xác định GRDP để thực hiện	6,12%	5-10%	6,12%	Hoàn thành	
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực			Chưa có phương pháp xác định	Tối thiểu 10%	Tối thiểu 10%	Chưa có phương pháp xác định	Chưa có phương pháp xác định
III	Phát triển hạ tầng số, hình thành xã hội số, thu hẹp khoảng cách số							
1	Tỷ lệ phủ mạng băng rộng cố định (cáp quang)	Đạt 45,47% hộ gia đình, 100% xã	47% hộ gia đình	46,32% hộ gia đình	80% hộ gia đình, 100% xã	46,32%	Trên 80% hộ gia đình, 100% xã	Ước thực hiện đến năm 2025 đạt trên 80% hộ gia đình
2	Phổ cập dịch vụ mạng di động tốc độ cao (4G/5G)	98,5% dân số	99,56% dân số	99,15% dân số	100% dân số	99,15%	Phổ cập	Ước thực hiện đến năm 2025 đạt 100% dân số
3	Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh	92,62%	96,52%	96,36%	100%	96,36%	Phổ cập	Ước thực hiện đến năm 2025 đạt 100% hộ gia đình

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Đánh giá kết quả thực hiện đến năm 2024 so với mục tiêu đến năm 2025 tại Nghị quyết số 17-NQ/TU		
						Mục tiêu đến năm 2025	Kết quả thực hiện đến năm 2024	Đánh giá
4	Tỷ lệ người trưởng thành (từ 15 tuổi trở lên) có tài khoản thanh toán điện tử (tài khoản giao dịch tại ngân hàng)	79,53%	80%	88,05%	90%	Trên 50%	88,05%	Hoàn thành
5	Tỷ lệ người sử dụng Internet	46,8%	48,56%	59,44%	63%	-	59,44%	

Phụ lục số 02
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 2542/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát			
1	Ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số thuộc ngành, lĩnh vực quản lý	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2025
2	Kiểm tra, giám sát một số Sở, ngành, UBND huyện, thành phố đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
3	Tự kiểm tra việc thực hiện Chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2025
II	Thể chế, chính sách số			
1	Nghiên cứu, đề xuất trình HĐND tỉnh xem xét cơ chế, chính hỗ trợ hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng	Sở Tài Chính	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
2	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số của tỉnh bảo đảm phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
3	Kiểm toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai chuyển đổi số từ tỉnh đến cơ sở	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc đến năm 2030” theo Quyết định số 1087/QĐ-TTg ngày 02/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
III	Hạ tầng số			
1	Đầu tư, thiết lập Hệ thống đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tuyên truyền ở cơ sở	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
2	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh, hình thành kho dữ liệu số, đảm bảo an toàn theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin	Sở Thông tin và truyền thông	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
3	Đầu tư trang thiết bị CNTT, các phương tiện khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
4	Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng, phủ sóng 4G/5G; triển khai các nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử	Viettel Sơn La, VNPT Sơn La, Mobifone Sơn La	UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
5	Duy trì Nền tảng trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
6	Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
7	Đầu tư phòng thu phát thanh trực tiếp và Studio đa phương tiện	Đại Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
8	Duy trì Trung tâm dữ liệu tỉnh (Hạ tầng lưu trữ dữ liệu Hệ thống điều hành đô thị thông minh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
9	Thuê Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
10	Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ tại một số cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2025
IV	Nhân lực số			
1	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số nói chung, chuyển đổi số ngành, lĩnh vực cho cán bộ công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2025
2	Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo Cao đẳng, Đại học và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2025
V	Dữ liệu số			
1	Phối hợp với các Bộ, ngành triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu quy mô toàn quốc	Các sở, ban, ngành chủ trì quản lý, cập nhật dữ liệu, UBND huyện, thành phố	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
2	Duy trì Cổng Dữ liệu mở tỉnh Sơn La	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
3	Xây dựng các CSDL chuyên ngành của tỉnh			
3.1	Cơ sở dữ liệu Giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
3.2	Cơ sở dữ liệu hạ tầng Thông tin Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3.3	Cơ sở dữ liệu Tài nguyên và Môi trường	Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
3.4	Cơ sở dữ liệu Công thương	Sở Công thương	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
3.5	Cơ sở dữ liệu Cán bộ công chức viên chức	Sở Nội vụ	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
3.6	Cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng	Sở Xây dựng	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
3.7	Cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực Văn hóa - Thể thao - Du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
4	Triển khai thử nghiệm trợ lý ảo cho cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
5	Chuẩn hóa dữ liệu bản đồ và xây dựng hệ thống quản lý, chia sẻ dữ liệu không gian địa lý tỉnh Sơn La	Sở Tài nguyên Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
6	Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu ứng dụng công nghệ viễn thám trong quản lý hoạt động khai thác khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sở Tài nguyên Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
7	Triển khai hệ thống thông tin dữ liệu ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
8	Xây dựng hệ thống công khai ngân sách tỉnh Sơn La	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
VI	An toàn thông tin mạng			
1	Duy trì hệ thống Giám sát an ninh mạng (SOC) của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
2	Duy trì và mở rộng Hệ thống phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Đầu tư Hệ thống an toàn thông tin theo cấp độ của một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
VII	Chính quyền số			
1	Triển khai đồng bộ các nền tảng số và hạ tầng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
2	Rà soát nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT, đặc biệt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn tỉnh, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
3	Triển khai các Hệ thống thông tin chuyên ngành			
3.1	Duy trì Hệ thống thông tin hỗ trợ thu thập và tính toán các chỉ số chuyển đổi số tỉnh Sơn La	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
3.2	Phần mềm quản lý, lập kế hoạch thanh tra và xử lý chống chéo thanh tra	Thanh tra tỉnh	Thanh tra các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
3.3	Hệ thống đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 cấp THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
3.4	Phần mềm quản lý chương trình đào tạo, bồi dưỡng; phần mềm quản lý học viên	Trường Chính trị tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
3.5	Xây dựng phần mềm chuyển đổi số cho hệ thống hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Các Hệ thống thông tin dùng chung			
4.1	Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 3 cấp từ tỉnh đến huyện, xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
4.2	Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
4.3	Hệ thống Công Thông tin điện tử	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
4.4	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
4.5	Hệ thống thông tin báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành;UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
4.6	Hệ thống thông tin phục vụ họp (eCabinet)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
5	Số hóa trong công tác kiểm tra kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Sở Công thương	Các đơn vị có liên quan	Năm 2025
6	Duy trì Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh; Tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu, phát triển mối quan hệ tương tác giữa Hệ thống giám sát, điều hành thông minh và các hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
VIII	Kinh tế số			

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Thực hiện các giải pháp phát triển thương mại điện tử theo Kế hoạch phát triển thương mại điện tử được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố;	Năm 2025
2	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
3	Thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
IX	Xã hội số			
1	Duy trì hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng	UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2025
2	Triển khai mô hình phòng học thông minh	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
3	Triển khai mô hình bệnh viện thông minh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Năm 2025
4	Triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Năm 2025
5	Xây dựng Hệ thống du lịch thông minh	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	Năm 2025
6	Chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Sơn La	UBND các huyện, thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; đoàn thể tỉnh; các ngân hàng	Năm 2025
X	Nhận thức số			

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị liên quan	Tháng 10/2025
2	Xây dựng, phát hành, phát sóng các sản phẩm tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương	Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị liên quan	Năm 2025
3	Xây dựng phóng sự phát thanh, truyền hình tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Sơn La, Cổng Thông tin điện tử tỉnh; UBND các huyện, thành phố; các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh	Năm 2025

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com